

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN KIM THANH

**TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC
CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TÚY THEO PHÁP LỤT HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN QUẬN LONG BIÊN,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học : PGS.TS. Phạm Văn Tỉnh

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tác giả luận văn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TUÝ	7
1.1. Những vấn đề lý luận về về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy	7
1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.....	15
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TUÝ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	28
2.1. Định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy	28
2.2. Quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.....	39
Chương 3: CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TUÝ	53
3.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự	53
3.2. Hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự	63
3.3. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự.....	67
3.4. Nâng cao năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự	68
3.5. Các giải pháp khác.....	72
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	79

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Cụm từ viết tắt	Viết tắt
Áp dụng pháp luật	ADPL
Bộ công an	BCA
Bộ luật hình sự	BLHS
Bộ luật tố tụng hình sự	BLTTHS
Bộ tư pháp	BTP
Ban thường vụ quốc hội	BTVQH
Cấu thành tội phạm	CTTP
Chính phủ	CP
Cộng hoà xã hội chủ nghĩa	CHXHCN
Nghị định	NĐ
Quy phạm pháp luật hình sự	QPPLHS
Quyết định hình phạt	QĐHP
Trách nhiệm hình sự	TNHS
Toà án nhân dân	TAND
Toà án nhân dân tối cao	TANDTC
Thành phố	TP
Thông tư liên tịch	TTLT
Ủy ban thường vụ quốc hội	UBTVQH
Viện kiểm sát	VKS
Viện kiểm sát nhân dân tối cao	VKSNDTC
Xã hội chủ nghĩa	XHCN

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Tổng số vụ, số bị cáo đưa ra xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên tổng số vụ án, số bị cáo đưa ra xét xử giai đoạn 2011-2015.

Bảng 2.2: Tỷ lệ xét xử sơ thẩm các vụ án và bị cáo bị về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy so với các tội phạm về ma túy trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015.

Bảng 2.3: Tổng số vụ, số bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Long Biên đã xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ năm 2011-2015

Bảng 2.4: Những hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy giai đoạn 2011-2015

Bảng 2.5: Nhân thân của các bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Là một trong những địa bàn gần trung tâm thủ đô Hà Nội, *quận Long Biên* được thành lập trên cơ sở chia tách từ huyện Gia Lâm và đi vào hoạt động từ 01/01/2004. Quận nằm ở phía Đông Bắc Thủ đô Hà Nội, có diện tích 60km², tiếp giáp với các quận, huyện Gia Lâm, Đông Anh, Ba Đình, Hoàn Kiếm và Hai Bà Trưng, có 14 phường với số dân trên 27 vạn người, trong đó hơn 8 vạn là người đăng ký tạm trú KT3, KT4. Là đỉnh tam giác phát triển kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, những năm gần đây, quận Long Biên có tốc độ đô thị hoá nhanh, có nhiều tuyến giao thông huyết mạch và công trình trọng điểm quốc gia như: Quốc lộ 1A, 1B, 5A, sông Hồng, sông Đuống, sân bay Gia Lâm, ga xe lửa Gia Lâm, bến xe Gia Lâm; có các cầu lớn như: cầu Thanh Trì, cầu Vĩnh Tuy, cầu Chương Dương, cầu Long Biên, cầu Đuống, cầu Phù Đổng; là quận có diện tích lớn nhất trong các quận, có quỹ đất dồi dào lên sự gia tăng cơ học của dân số rất mạnh... Những đặc điểm này mang lại cho quận nhiều ưu thế để phát triển kinh tế - xã hội nhưng cũng là địa bàn dễ phạm lợi dụng, đặc biệt là tội tàng trữ, vận chuyển mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Chúng hoạt động có lúc trắng trợn, công khai.

Trước tình hình trên, song song với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, quận Long Biên đã tích cực triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để đấu tranh phòng ngừa và chống tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Các cơ quan trong khối nội chính đã tham mưu cho Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, đặc biệt là tội phạm về ma túy. Công tác điều tra, truy tố, xét xử, các loại tội phạm nói chung và các tội phạm liên quan đến ma túy nói riêng được thực hiện quyết liệt nhằm góp phần đẩy lùi tội phạm này trên địa bàn quận. Tuy vậy, trong 5 năm vừa qua, tình hình tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy vẫn xảy ra trên địa bàn quận Long Biên và chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối trong tình hình tội phạm về ma túy nói chung trên địa bàn quận, còn xét trong phạm vi chung của tình hình tội phạm trên địa bàn

quận Long Biên, thì tỷ lệ trung bình trong 5 năm của loại tội phạm này là 48,43% về số vụ và 35,11% về số bị cáo. Đây chính là tỷ lệ tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên trong 5 năm qua và là một tỷ lệ rất cao, rất đáng báo động. Bởi vì tỷ lệ này xét trên phạm vi cả nước (chỉ xét về số bị cáo), giai đoạn 2001-2003 là 17,67%, giai đoạn 2004-2008 là 12,84%, còn ở TP Hải Phòng giai đoạn 2008-2012 cũng chỉ đến 18% và trên địa bàn huyện Củ Chi TP Hồ Chí Minh, giai đoạn 2010-2014 là 11%. Mặt khác, xét về tác hại, tệ nạn và tội phạm về ma túy nói chung luôn luôn đi liền với nhau và gây tác hại rất lớn đến kinh tế, chính trị, xã hội, hạnh phúc, giống nòi, làm suy thoái về đạo đức, lối sống, là nguồn dẫn đến các loại tội phạm khác như trộm cắp, cướp của giết người, lừa đảo, cưỡng đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng..., đồng thời cũng là yếu tố chính dẫn đến căn bệnh thế kỷ (đại dịch) HIV trên địa bàn quận.

Như vậy, thực tiễn tình hình tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên cho thấy rõ nhu cầu phải tiếp tục tăng cường đấu tranh với loại tội phạm này, đặc biệt trong tình hình hiện nay khi Chỉ thị của Đảng (Chỉ thị số 21 – CT/TW, ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác, phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới”), cũng như mong đợi của mọi người dân là phải ngăn chặn và đẩy lùi tội phạm về ma túy khỏi đời sống xã hội. Để thực hiện nhu cầu này, cả khoa học và thực tế đã chỉ ra rằng, có hai hướng đấu tranh: một là đấu tranh bằng pháp luật hình sự mà nhiệm vụ trọng tâm (mục đích) là hoàn thiện bản thân những quy định của pháp luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, cũng như áp dụng đúng những quy định đó khi có tội phạm xảy ra; hai là đấu tranh bằng các biện pháp phòng ngừa, tức là sử dụng triệt để kết quả nghiên cứu tội phạm học. Cả hai hướng đấu tranh này đều cần thiết và trong những năm qua đã có nhiều công trình nghiên cứu tội phạm học đối với tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội phạm về ma túy nói riêng mà kết quả đạt được của những công trình đó tạo ra cơ sở rất phù hợp để triển khai thực hiện theo hướng còn lại, tức là hướng đấu tranh chống tội phạm về ma túy bằng pháp luật hình sự. Hơn nữa, tình hình xét xử 944 vụ với 1071 bị cáo phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt

chất ma túy do TAND quận Long Biên tiến hành những năm qua cũng cho thấy còn có những vấn đề vướng mắc về pháp luật và áp dụng pháp luật hình sự, cần phải được đánh giá, nghiên cứu.

Với tư duy như vậy, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài ***“Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Long Biên, thành phố Hà Nội”***.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Tình hình nghiên cứu lý luận

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài Luận văn, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu và tham khảo:

- *“Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam”* (1994,) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

- *“Giáo trình luật hình sự Việt nam - phần các tội phạm”* (2008), GS.TS.Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

- *“Lý luận chung về định tội danh”* (2013), GS.TS.Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

- *“Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung”* (2014), GS.TS.Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

- *“Hoàn thiện một số quy định về hình phạt và quyết định hình phạt của BLHS năm 1999 nhằm đảm bảo hơn nữa nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự”* (2008), PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn, Luật học;

- *“Một số vấn đề liên quan đến hướng dẫn áp dụng Điều 194 Bộ luật hình sự”* (2012), TS. Cao Thị Oanh, Luật học;

2.2. Tình hình nghiên cứu thực tiễn

Để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện đề tài, những công trình khoa học sau đây về đấu tranh phòng và chống tội phạm nói chung và phòng, chống tội phạm về ma túy nói riêng đã được tác giả tham khảo:

- Nguyễn Thanh Dung, *“Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy”* năm 2012 Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Trần Quốc Trọng, *“Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Hà Nam”* năm 2012, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học quốc gia Hà Nội;

- Nguyễn Thủy Thanh, *“Các tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong luật hình sự Việt Nam - trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn trên địa bàn thành phố Hải Phòng”* năm 2014, Luận văn thạc sĩ Luật học, khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Nguyễn Thị Thảo Trang, *“Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ thực tiễn quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội”* năm 2015, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Hồ Kim Trinh, *“Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Nghệ An”* năm 2016, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Minh Đức, *“Những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vụ án ma túy”* năm 2015, Tạp chí kiểm sát, số 20, tr. 7 - 13.

Các công trình đã nêu không chỉ có giá trị hướng dẫn về mặt lý luận mà còn chứa đựng những thông tin, những cách thức tiếp cận các vấn đề mà đề tài phải giải quyết, nên phải được áp dụng và kế thừa.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Do chuyên ngành quy định, nên mục đích nghiên cứu của đề tài này chỉ có thể là hoàn thiện pháp luật hình sự, bao gồm hoàn thiện quy định về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy và các văn bản hướng dẫn áp dụng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam, có sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử;

- Phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy ở địa bàn quận Long Biên, Hà Nội giai đoạn 2011 – 2015 trên cơ sở hướng dẫn lý luận về định tội danh và quyết định hình phạt;

- Kiến nghị giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy ở địa bàn Long Biên, Hà Nội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Trên cơ sở thực tiễn pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn từ 2011 – 2015, luận văn xác định và luận giải sự phù hợp hoặc chưa phù hợp giữa quy định của pháp luật hình sự và thực tế thực hiện hành vi của người phạm tội .

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, đề tài được thực hiện trong phạm vi chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự;

Về địa bàn, đề tài được thực hiện trong phạm vi quận Long Biên, thành phố Hà Nội;

Về thời gian, đề tài nghiên cứu số liệu thực tế trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2015, gồm số liệu thống kê của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và 50 bản án hình sự sơ thẩm;

Về tội danh, đề tài nghiên cứu tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được quy định tại Điều 194 BLHS 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề tội phạm và hình phạt nói chung.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp biện chứng; logic; lịch sử; kế thừa; phân tích; tổng hợp; hệ thống; thống kê; phương pháp

so sánh, đối chiếu; phân tích quy phạm pháp luật, khảo sát thực tiễn; nghiên cứu các bản án điển hình. Trong quá trình thực hiện, các phương pháp này được áp dụng đan xen lẫn nhau một cách linh hoạt để luận chứng các vấn đề khoa học và thực tiễn cần nghiên cứu của đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Về mặt lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong khoa học luật hình sự Việt Nam.

6.2. Về mặt thực tiễn

Luận văn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận, nghiên cứu, học tập. Những đề xuất, kiến nghị của luận văn góp phần cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng Bộ luật hình sự Việt Nam liên quan đến tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự hiện hành về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ thực tiễn quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Chương 3: Các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TÚY

1.1. Những vấn đề lý luận về về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

1.1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

1.1.1.1. Khái niệm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay chưa có khái niệm thống nhất về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Một trong những định nghĩa về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy khái quát của Thạc sĩ Đinh Văn Quế là: “*tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là hành vi cất giữ, chuyển dịch, bán hay mua để bán lại, cướp, bắt cóc nhằm chiếm đoạt, cưỡng đoạt, cướp giết, công nhiên chiếm đoạt, trộm cắp, tham ô, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chất ma túy*” [20, tr 78]. Qua khái niệm “Tội phạm” quy định tại Điều 8 BLHS năm 1999 và các quy định của pháp luật hình sự có liên quan, có thể đưa ra khái niệm *các tội phạm về ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước và bị xử lý bằng hình phạt*. Có thể hiểu ngắn gọn, các tội phạm về ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội cố ý xâm phạm chế độ quản lý chất ma túy của Nhà nước được quy định trong BLHS Việt Nam.

Từ khái niệm “Tội phạm” quy định tại Điều 8 BLHS 1999, khái niệm “Các tội phạm về ma túy” và các định nghĩa về tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, chúng tôi xin đưa ra khái niệm: *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội gồm 4 nhóm hành vi: hành vi tàng trữ chất ma túy (là hành vi cất giữ bất hợp pháp chất ma túy ở bất kỳ nơi nào mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển*

hay sản xuất trái phép chất ma túy khác), hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy (là hành vi chuyển dịch trái phép chất ma túy từ nơi này đến nơi khác dưới bất kỳ hình thức nào mà không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép chất ma túy khác), hành vi mua bán trái phép chất ma túy (là hành vi mua và bán, hoặc hành vi mua nhằm mục đích để bán hoặc hành vi bán trái phép chất ma túy nhằm kiếm lời), và hành vi chiếm đoạt chất ma túy (là 11 hành vi lấy trái phép chất ma túy của người khác bằng các hành vi cướp, cướp giật, trộm cắp, lừa đảo...); những hành vi này được quy định là trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước và bị đe dọa áp dụng hình phạt.

1.1.1.2. Các yếu tố cấu thành tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Các dấu hiệu pháp lý của cấu thành tội phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được phân thành 04 yếu tố: Khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm.

a) Khách thể của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Khách thể của tội phạm là yếu tố không tách rời của tội phạm, tội phạm bao giờ cũng xâm hại đến một hoặc một số quan hệ xã hội được Nhà nước xác định bảo vệ bằng luật hình sự [4; tr 137].

Khách thể của tội phạm này là xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, trực tiếp là chế độ quản lý của Nhà nước về tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy. Việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt các chất ma túy không chỉ vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy mà còn góp phần tạo ra một lớp người nghiện trong xã hội, đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của xã hội.

Đối tượng tác động của tội phạm là bộ phận của khách thể của tội phạm mà khi tác động tới bộ phận này người phạm tội gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ [4; tr 141].

Đối tượng tác động của tội phạm này là các chất ma túy và các nguyên liệu thực vật có chứa chất ma túy [36; tr 18].

Các chất ma túy được liệt kê trong bảng 1, bảng 2, bảng 3, bảng 4 danh mục các chất ma túy, chất hướng thần, theo quy định của Công ước quốc tế 1961; 1971; 1988. Công ước này Việt Nam đã tham gia theo quyết định số 798-QĐ/CTN ngày 1-9-1997 của Chủ tịch nước cộng hoà xã hội Việt Nam và được liệt kê trong các danh mục do Chính phủ Việt Nam ban hành tại Nghị định số 82/2013/NĐ-CP. Ở nước ta, các chất ma túy thường gặp là thuốc phiện, Hêrôin, Mooc phin, cần sa và một số loại ma túy ở dạng thuốc tân dược như: Suzusen, Dolagăng, Methamphetamin...

b) Mặt khách quan của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Những biểu hiện của tội phạm ra bên ngoài bao gồm: hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, các dấu hiệu biểu hiện sự thực hiện hành vi phạm tội và gắn liền với hành vi như: công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn phạm tội, thời gian, địa điểm và hoàn cảnh phạm tội [4; tr 145].

Các loại hành vi khách quan của tội phạm này là:

- Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy;
- Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy;
- Hành vi mua bán trái phép chất ma túy;
- Hành vi chiếm đoạt chất ma túy.

Đây là tội có cấu thành tội phạm hình thức. Tội phạm được coi là hoàn thành từ thời điểm người phạm tội đã thực hiện một trong bốn hành vi khách quan.

* *Tàng trữ trái phép chất ma túy* được hiểu là hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất giấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người..) mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Thời gian tàng trữ dài hay ngắn không ảnh hưởng đến việc xác định tội này. Hành vi tàng trữ chất ma túy chỉ có thể bị coi là trái phép khi việc tàng trữ đó được thực hiện mà không có giấy phép của các cơ quan có thẩm quyền. Nếu tàng trữ trái phép chất ma túy cho người khác mà biết rõ người này mua bán trái phép chất ma túy đó bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy với vai trò đồng phạm.

* *Vận chuyển trái phép chất ma túy* được hiểu là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp chất ma túy từ nơi này đến nơi khác dưới bất kỳ hình thức nào (có thể bằng các phương tiện khác nhau như ô tô, tàu bay, tàu thủy..., trên các tuyến đường đường khác nhau như: đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy, đường bưu điện..., có thể có trong người như cho vào túi áo, túi quần, nuốt vào trong bụng, để trong hành lý như vali, túi xách...) mà không nhằm mục đích mua bán, tàng trữ hay sản xuất trái phép chất ma túy khác.

Người giữ hộ, hoặc vận chuyển trái phép chất ma túy cho người khác, mà biết rõ mục đích mua bán trái phép chất ma túy của người đó, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy với vai trò đồng phạm.

* *Mua bán trái phép chất ma túy* được hiểu là hành vi dùng ma túy mà mình có được dưới bất kỳ hình thức nào như mua được, xin được, nhặt được, người khác gửi hoặc chiếm đoạt được để trao đổi trái phép với người khác dưới bất kỳ hình thức nào và vì mục đích vụ lợi. Hình thức mua bán có thể là mua bán để lấy tiền hoặc trao đổi lấy hàng hóa khác, cho vay, khất nợ, đặt cọc, cầm cố, thanh toán tiền dịch vụ bằng chất ma túy một cách trái phép. Khi xác định hành vi mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác cần chú ý: Chỉ khi nào xác định rõ mục đích của người phạm tội mua chất ma túy đó là nhằm bán lại thì mới truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy. Việc xác định này, là trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, căn cứ vào các tình tiết của vụ án.

Mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển ma túy nhằm mục đích bán cho người khác thì các hành vi đó là phạm tội mua bán trái phép chất ma túy. Nếu không có mục đích mua bán thì tùy trường hợp cụ thể mà người thực hiện hành vi phạm tội tàng trữ hoặc vận chuyển trái phép chất ma túy nếu hành vi thoả mãn các dấu hiệu pháp lý cấu thành các tội danh đó.

* *Chiếm đoạt chất ma túy* được hiểu là một trong các hành vi trộm cắp, lừa đảo, tham ô, lạm dụng tín nhiệm, cưỡng đoạt, cướp, cướp giật, công nhiên chiếm đoạt chất ma túy của người khác. Chất ma túy bị chiếm đoạt có thể thuộc quyền quản lý của Nhà nước hoặc đang do cá nhân khác chiếm giữ. Hành vi chiếm đoạt chất ma túy cũng tương tự như hành vi chiếm đoạt tài sản, tức là người phạm tội phải có ý thức chiếm đoạt chất ma túy ngay trước, trong khi thực hiện hành vi khách quan của tội phạm.

Nếu người phạm tội không có ý thức chiếm đoạt chất ma túy hoặc không chứng minh được ý thức chiếm đoạt chất ma túy mà chỉ nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng sau khi chiếm đoạt được tài sản mới biết trong tài sản còn có chất ma túy nhưng người phạm tội vẫn cất giữ, vận chuyển hoặc mua bán thì không bị coi là hành vi chiếm đoạt chất ma túy, mà tùy trường hợp cụ thể người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội có trách nhiệm hình sự chất chiếm đoạt (cướp tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài sản...) và tội tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán trái phép chất ma túy.

Nếu ngay sau khi chiếm đoạt tài sản người phạm tội mới biết trong tài sản có chất ma túy và đem chất ma túy đó nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không coi là hành vi chiếm đoạt chất ma túy mà chỉ bị coi là chiếm đoạt tài sản.

Ngoài những hành vi trên thì theo quy định tại mục 3.6 và 3.7 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007 còn quy định:

“3.6. Người nào tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy với số lượng sau đây không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép chất ma túy khác thì áp dụng khoản 4 Điều 8 BLHS, theo đó không truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng phải bị xử lý hành chính:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng dưới một gam;*
- b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng dưới không phải một gam;*
- c) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng dưới một kilôgam;*

- d) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng dưới năm kilôgam;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng dưới một kilôgam;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng dưới một gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ mười mililit trở xuống.

3.7. Khi truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy cần phân biệt:

a) Người nào đã bị kết án về tội tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt một trong các chất ma túy có số lượng được hướng dẫn từ điểm a đến điểm g tiểu mục 3.6 trên đây, nếu không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 194 BLHS. Nếu là tái phạm nguy hiểm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 194 của BLHS.

b) Người nào bán trái phép chất ma túy cho người khác và còn cho họ sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc quản lý của mình để sử dụng trái phép chất ma túy thì ngoài việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy theo Điều 194 BLHS, người đó còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo Điều 198 BLHS;

c) Người nào biết người khác đi mua chất ma túy để sử dụng trái phép mà gửi tiền nhờ mua hộ chất ma túy để sử dụng thì người nhờ mua hộ phải chịu trách nhiệm hình sự về số lượng chất ma túy đã nhờ mua hộ. Người đi mua phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số lượng chất ma túy đã mua cho bản thân và mua hộ.

d) Người nào biết người khác mua chất ma túy để sử dụng trái phép mà dùng phương tiện để chở họ cùng chất ma túy và bị bắt giữ nếu số lượng chất ma túy đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ hoặc vận chuyển trái phép chất ma túy thì người đó là đồng phạm với người mua về tội tàng trữ hoặc vận chuyển trái phép chất ma túy quy định tại Điều 194 BLHS [2].

Đối với một số trường hợp đặc biệt khác thì trường hợp một người biết là ma túy giả nhưng làm cho người khác tưởng là chất ma túy thật nên mua bán, trao đổi...thì người đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm về ma túy mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 139 BLHS năm 1999 nếu thoả mãn các dấu hiệu khác nữa trong cấu thành tội phạm của tội này. Trường hợp khác, sau khi giám định không phải là chất ma túy nhưng người thực hiện hành vi mua bán ý thức rằng đó là chất ma túy thì vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 194 của BLHS năm 1999.

c) Chủ thể của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Chủ thể của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy cũng phải đảm bảo các yếu tố (điều kiện) cần và đủ như: độ tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự quy định tại các Điều 12, 13 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, chỉ những người sau đây mới có thể là chủ thể của tội phạm này:

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, vì khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự là tội phạm nghiêm trọng và theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Chỉ người đủ 16 tuổi trở lên mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, nếu người từ đủ 16 tuổi trở lên sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội thì người dưới 16 tuổi vẫn không bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà người sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tình tiết “sử dụng trẻ em vào việc phạm tội”

Người từ đủ 14 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của Điều 194 Bộ luật hình sự, vì các trường hợp phạm tội này là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

d) Mặt chủ quan của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thực hiện hành vi phạm tội của mình do cố ý, tức là nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nhưng vẫn thực hiện. Như vậy, đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy chỉ có thể được thực hiện do cố ý trực tiếp không có trường hợp nào do cố ý gián tiếp. Tuy nhiên, đối với hành vi chiếm đoạt chất ma túy thì người phạm tội có thể thực hiện hành vi của mình do cố ý gián tiếp trong trường hợp người phạm tội không cần xác định đối tượng ma túy cũng chiếm đoạt mà tài sản khác cũng chiếm đoạt (bỏ mặc cho hậu quả xảy ra, ma túy cũng lấy mà tài sản khác cũng lấy).

1.1.2. Phân biệt tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy với các tội phạm khác

Theo quy định của BLHS hiện hành thì tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được quy định tại điều 194 và được xếp vào chương XVIII (chương các tội phạm về ma túy). So với các tội danh được quy định tại các chương khác của BLHS 1999 thì tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có sự khác biệt về mặt khách thể, đối tượng tác động của tội phạm và trong nhiều trường hợp là cả mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm. Khách thể của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước và đối tượng tác động của tội này là các chất ma túy. Trong khi đó các tội danh khác không nằm trong chương các tội phạm về ma túy mà lại có khách thể hoàn toàn khác, đó có thể là quan hệ nhân thân, quan hệ sở hữu, tính mạng, sức khoẻ người khác... các tội này cũng có đối tượng tác động khác, đó có thể là những tài sản, phương tiện hoặc thân thể con người... Trong một số trường hợp thì sự khác nhau giữa tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy so với các tội khác còn có sự khác nhau về mặt chủ quan (các tội về lỗi vô ý như tội vô ý làm chết người, tội vô ý gây thương tích...) khác nhau về mặt hành vi khách quan (như tội hiếp dâm, cưỡng dâm...)

Mặt khác thì tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy cũng có những điểm khác so với những tội danh về ma túy khác được quy định trong cùng chương XVIII (các tội phạm về ma túy). Đó có thể sự khác nhau về mặt hành vi khách quan (như tội trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy...) hay đó có thể là sự khác về đối tượng tác động (như tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy), hay có đối tượng tác động là các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy (như tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy). Chính những sự khác nhau như trên cho nên khi quy định các tội danh trong BLHS, nhà làm luật đã sắp xếp các tội danh nằm ở những chương khác nhau theo tiêu chí khách thể xâm phạm của tội phạm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức pháp luật, thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật một cách chính xác, phù hợp và đạt hiệu quả cao.

1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

1.2.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

1.2.1.1. Giai đoạn từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

Ngay từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, ngày 3/9/1945, trong phiên họp Chính phủ bàn về “Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà” gồm có sáu nhiệm vụ cấp bách trong đó nhiệm vụ thứ năm Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế: thuế thân, thuế chợ, thuế đò và "tuyệt đối cấm hút thuốc phiện".

Tiếp sau đó, ngày 05/3/1952 Thủ tướng chính phủ đã ban hành Nghị định số 150/TTg quy định việc xử lý đối với những hành vi vi phạm thể lệ quản lý thuốc phiện. Điều 1, 2, 3, 4 của Nghị định quy định khoanh vùng trồng cây thuốc phiện. Người trồng cây thuốc phiện có nghĩa vụ nộp thuế bằng hiện vật là một phần ba số

nhựa thuốc phiện, phần còn lại phải bán toàn bộ cho mậu dịch quốc doanh. Ngoài các cơ quan chuyên trách, không ai được tàng trữ và vận chuyển nhựa thuốc phiện đã nấu.

Trên cơ sở Nghị định 150/TTg, Thủ tướng chính phủ ban hành tiếp Nghị định 225/TTg ngày 22/12/1952 quy định những người có hành vi vi phạm thể lệ quản lý thuốc phiện của Nhà nước sẽ bị xử phạt hoặc bị truy tố trước Tòa án nhân dân.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Sau khi hòa bình lập lại và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục quan tâm đến việc xây dựng hệ thống pháp luật mới, trong đó có công tác đấu tranh chống buôn lậu thuốc phiện và các chất ma túy khác. Ngày 15/09/1955, Chính phủ ban hành nghị định số 580/TTg bỏ khuyết Nghị định 150/TTg ngày 05/3/1952 quy định những trường hợp có thể bị đưa ra Tòa án nhân dân xét xử.

Bộ tư pháp còn ban hành Thông tư số 635/VVH-HS ngày 29/3/1958 quy định về đường lối truy tố đối với việc đặt cọc tiền mua thuốc phiện lậu và Thông tư số 33/VHH-HS ngày 5/7/1958 hướng dẫn đường lối truy tố và xét xử những vụ án về buôn lậu thuốc phiện.

Sau khi miền Nam giải phóng, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 76/CP ngày 25/3/1977 về chống buôn lậu thuốc phiện. Trên cơ sở nghị định này, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ đã ra Thông tư liên ngành hướng dẫn áp dụng pháp luật trong cả nước.

Trước tình hình tội phạm ma túy ngày có xu hướng diễn biến phức tạp, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có thái độ kiên quyết hơn trong đấu tranh phòng, chống ma túy, trước hết thể hiện trong BLHS năm 1985.

1.2.1.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Năm 1985, Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời, Bộ luật này không có quy định riêng nào về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy. Ở giai đoạn này, những hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy được pháp luật hình sự

giải quyết bằng các quy định khác nhau, tương ứng với hành vi cụ thể. Trước tình hình tội phạm về ma túy nói chung ngày càng gia tăng, nhiều hành vi nguy hiểm chưa được quy định cụ thể vào trong luật thành điều luật riêng nên sau ba lần sửa đổi bổ sung (tháng 12/1989, tháng 8/1991, tháng 12/1992) Bộ luật hình sự năm 1985 đã tách một số hành vi liên quan đến ma túy thành tội phạm độc lập và quy định trong một điều luật riêng. Đến thời điểm này, tội phạm ma túy được quy định thành hai tội, *tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy* – Điều 96a và *tội tổ chức dùng chất ma túy* – Điều 203. Các khái niệm tàng trữ, vận chuyển, mua bán, chiếm đoạt...chất ma túy được hướng dẫn cụ thể, chi tiết tại Thông tư liên ngành số 09/TTLN ngày 10/10/1996 của Bộ nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao.

Tiếp đó, ngày 10/5/1997 Quốc hội nước ta đã thông qua luật sửa đổi, bổ sung (lần thứ 4) một số điều của Bộ luật hình sự. Trong đó có bổ sung Chương VIIA gồm 14 điều, quy định 13 tội danh, trong đó quy định “*Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*” – Điều 185c; “*Tội vận chuyển trái phép chất ma túy*” – Điều 185d; “*Tội mua bán trái phép chất ma túy*” – Điều 185đ, “*Tội chiếm đoạt chất ma túy*” – Điều 185e [21].

Trong Chương VIIA các hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy được quy định tại bốn điều luật riêng rẽ, từ Điều 185c đến Điều 185e. So với Điều 96a trước đây thì Điều 185c, 185d, 185đ, 185e có nhiều điểm mới như: số lượng ma túy không còn quy định mang tính chất định tính nữa mà quy định cụ thể khối lượng các chất ma túy tương ứng với 4 khung hình phạt (Điều 96a chỉ có 3 khung hình phạt); cùng với việc bỏ tình tiết định khung có tính chất chuyên nghiệp là bổ sung thêm những tình tiết định khung mới như “phạm tội nhiều lần”, tình tiết định khung quy định sẽ phải chịu hình phạt quy định tại khung hình phạt đó nếu có nhiều tình tiết quy định tại khoản trước đó; bỏ hình phạt bổ sung quản chế hoặc cấm cư trú đối với người phạm các tội này.

Để áp dụng thống nhất các quy định của Bộ luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy, trong thời gian từ năm 1990 đến năm 1998 đã có 9 thông tư liên ngành, thông tư liên tịch được ban hành có

chứa nội dung hướng dẫn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội phạm ma túy, tùy từng thời điểm mà nội dung hướng dẫn cũng có sự khác nhau. Tuy nhiên tại thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA ngày 05/8/1998 đã có hướng dẫn cụ thể nhất về các hành vi liên quan đến tội phạm này.

Có thể nhận thấy, Luật sửa đổi, bổ sung BLHS Năm 1985 lần thứ 4 đã thể hiện sự hoàn thiện trong kỹ thuật lập pháp hình sự, quy định tội phạm ma túy thành một chương riêng, thể hiện chính sách hình sự mới của Nhà nước ta là xử lý nghiêm khắc tội phạm về ma túy. Cùng với những hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/1998/TTLT, đây là những điểm mới quan trọng trong chính sách hình sự của Nhà nước ta về tội phạm ma túy. Đồng thời là những căn cứ vô cùng cần thiết cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này.

1.2.2. Quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

1.2.2.1. Quy định về tội phạm

Để đáp ứng yêu cầu khách quan của xã hội, đồng thời kế thừa, phát huy những kinh nghiệm trong quá trình áp dụng BLHS năm 1985. Ngày 21/12/1999, Quốc hội nước đã thông qua Bộ luật hình sự mới: Bộ luật hình sự năm 1999. Bộ luật quy định các tội phạm về ma túy gồm 10 tội, từ Điều 192 đến Điều 201 tại Chương XVIII.

Trong Bộ luật này, các hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy được quy định chung trong Điều 194 với tên gọi "Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy". Đây là điều luật được nhập từ 04 điều luật của BLHS năm 1985. So với các quy định trước đây thì quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 đã thể hiện sự hơn hẳn về kỹ thuật lập pháp và sự toàn diện trong quy định tội danh.

Tuy nhiên, cũng có trường hợp ngoại lệ, trường hợp thứ nhất là người nào tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy với số lượng sau đây không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép chất ma túy khác thì áp dụng khoản 4 Điều 8 BLHS, theo đó không truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng phải bị xử lý hành chính:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng dưới một gam;
- b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng dưới không phải một gam;
- c) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng dưới một kilôgam;
- d) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng dưới năm kilôgam;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng dưới một kilôgam;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng dưới một gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ mười mililít trở xuống.

Trường hợp thứ hai là chất gây nghiện, chất hướng thần là chất ma túy; còn thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần là để chữa bệnh (chỉ chứa một hàm lượng nhất định chất ma túy) và được quản lý theo quy chế quản lý dược phẩm của Bộ Y tế. Người nào không thuộc đối tượng quy định tại Điều 201 BLHS mà vi phạm trong việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần nhằm mục đích kinh doanh thuốc chữa bệnh hoặc để chữa bệnh thì bị xử lý hành chính hoặc thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về một tội phạm tương ứng khác không phải là tội phạm về ma túy (ví dụ: tội kinh doanh trái phép, tội buôn lậu...). Trường hợp sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần trái phép nhằm thỏa mãn nhu cầu về sử dụng trái phép chất ma túy cho mình hoặc cho người khác thì bị xử lý về tội phạm ma túy tương ứng (nếu thỏa mãn điều kiện về trọng lượng chất ma túy theo quy định của pháp luật).

Ngoài ra trong kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa X đã thông qua Luật phòng chống ma túy, có hiệu lực từ ngày 01/6/2001. Đây là đạo luật đầu tiên về phòng chống ma túy, tạo cơ sở pháp lý có hiệu quả hơn để phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh với tệ nạn ma túy.

Ngày 14/11/2015 thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP sửa đổi bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP quy định hướng dẫn cụ thể việc áp dụng điều 194 nói riêng và chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" nói chung của Bộ luật hình sự năm 1999. Đây là văn bản hướng dẫn một cách chi tiết và toàn diện các quy định về tội phạm ma túy góp phần tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình giải quyết các

vụ án ma túy cũng như tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

1.2.2.2. Quy định về hình phạt

Hình phạt chính đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được ghi nhận trong Điều 194 BLHS năm 1999 với 4 khung hình phạt, bao gồm khung hình phạt cơ bản được quy định tại khoản 1 Điều 194 và 3 khung hình phạt tăng nặng được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 194. Hình phạt chính của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được BLHS hiện hành quy định rất nghiêm khắc, mức thấp nhất của khung hình phạt là 02 năm tù, mức cao nhất của khung hình phạt là tù chung thân hoặc tử hình. Điều đó thể hiện qua điểm, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước thể hiện sự đánh giá về tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm này đối với xã hội.

Theo quy định của BLHS hiện hành thì người phạm tội thuộc khung hình phạt cơ bản được quy định tại khoản 1 Điều 194 thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Nếu người phạm tội thuộc khung hình phạt tăng nặng được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 194 BLHS thì phải chịu mức hình phạt cao hơn mức hình phạt quy định tại khung hình phạt cơ bản của tội này, cụ thể :

- Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 194 thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.
- Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 194 thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm.
- Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 194 thì người phạm tội có thể bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Bên cạnh hình phạt chính thì Điều 194 BLHS hiện hành cũng quy định hình phạt bổ sung đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Theo quy định tại khoản 5 điều 194 BLHS, người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

a) Khung cơ bản (Khoản 1 Điều 194 BLHS) đối với trường hợp phạm tội không có các tình tiết là yếu tố định khung

Khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 là cấu thành cơ bản của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có mức phạt tù từ 2 năm đến 7 năm, áp dụng cho những trường hợp phạm tội bình thường, không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 194 (phạm tội không có các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ định khung).

Khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999, tòa án phải căn cứ vào các quy định về quyết định hình phạt tại chương VII của BLHS (từ Điều 45- Điều 54)

Nếu người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46, không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999 thì Tòa án có thể áp dụng dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt; Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới 2 năm tù nhưng không được dưới 3 tháng tù.

b) Các dấu hiệu cấu thành tội phạm tăng nặng tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

*** *Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 194 BLHS.***

Khung tăng nặng thứ nhất có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm, áp dụng cho những trường hợp phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có một trong những tình tiết tăng nặng sau:

a. Có tổ chức;

Theo khoản 3 Điều 20 BLHS năm 1999: “Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ với những người cùng thực hiện tội phạm”.

Như vậy, có thể hiểu tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có tổ chức là trường hợp đồng phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy mà các chủ thể có sự cấu kết chặt chẽ với nhau.

Trong phạm tội có tổ chức thường có các dạng người như người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

+ Người tổ chức: là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy như khởi xướng ra việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, vạch chủ trương, kế hoạch thực hiện tội phạm, kế hoạch che dấu tội phạm, tập hợp, rủ rê, lôi kéo người khác cùng thực hiện tội phạm, phân công trách nhiệm và điều khiển hoạt động của những người đồng phạm khác để đạt được mục đích chung.

+ Người thực hành: là người trực tiếp thực hiện hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

+ Người xúi giục: là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Nếu xúi giục trẻ em phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 và trẻ em dưới 14 tuổi phạm tội thuộc khoản 2, khoản 3, khoản 4 điều 194 BLHS thì người xúi giục sẽ trở thành người thực hành còn trẻ em là công cụ, phương tiện phạm tội.

+ Người giúp sức: Tạo điều kiện về tinh thần và vật chất cho việc mua bán trái phép chất ma túy, cung cấp tiền, công cụ, phương tiện, tìm địa điểm... cho việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy; hứa hẹn che dấu tội phạm, tiêu thụ tài sản do mua bán trái phép chất ma túy mà có.

Phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt các chất ma túy có thể có tất cả những người đồng phạm là người thực hành, nhưng cũng có thể có đồng phạm phân công vai trò. Trong trường hợp đồng phạm có tổ chức, người thực hành thực hiện hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt các chất ma túy đến đâu thì đồng bọn phải chịu đến giai đoạn đó và áp dụng tình tiết có tổ chức với tất cả những người đồng phạm.

Thường thấy trong các đường dây ma túy lớn thường có rất nhiều người. Tuy nhiên không phải tất cả những người này đều biết mặt nhau mà mỗi đường dây đó thường chia thành các nhóm nhỏ. Có những người đóng vai trò quan trọng trong đường dây, được tham gia bàn bạc, chỉ đạo,... có những người chỉ thực hiện một số hành vi nhất định, không có vai trò lớn. Vì vậy không phải tất cả những người trong cùng một

đường dây ma túy đều phạm tội có tổ chức mà đôi khi chỉ có một số tên bị coi là phạm tội có tổ chức.

Phạm tội có tổ chức thường gây ra thiệt hại lớn hơn so với phạm tội thông thường, vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với những người phạm tội có tổ chức.

b. Phạm tội nhiều lần;

Tiểu mục 2.3 mục 2 phần I Thông tư liên tịch 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP có giải thích cụ thể : “Phạm tội nhiều lần là phạm từ hai tội trở lên mà những tội ấy được quy định tại cùng một điều luật (hoặc tại cùng một khoản của điều luật) tương ứng trong phần riêng BLHS, đồng thời đối với những tội ấy vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và người phạm tội vẫn chưa bị xét xử”. Tình tiết phạm tội nhiều lần đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được hiểu là đã có từ hai lần phạm tội trở lên (hai lần tàng trữ trái phép chất ma túy trở lên, hai lần vận chuyển trái phép chất ma túy trở lên, hai lần mua bán trái phép chất ma túy trở lên...) mà mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 194, đồng thời trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Không coi là phạm tội nhiều lần trong các trường hợp:

+ Có hai lần tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt các chất ma túy nhưng trong đó có một lần chưa tới mức truy cứu TNHS.

+ Có hai lần tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt các chất ma túy trong đó có một lần bị kết án được miễn TNHS hoặc miễn hình phạt.

+ Người phạm tội có hai lần thực hiện hành vi phạm tội nhưng mỗi lần thực hiện một hành vi khác nhau (ví dụ: một lần vận chuyển trái phép chất ma túy, một lần mua bán trái phép chất ma túy).

+ Có hai lần tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt các chất ma túy nhưng một lần bị xử phạt hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

c. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

Điểm 2.1 mục 2 phần I Thông tư liên tịch 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP đã hướng dẫn tình tiết “lợi dụng chức vụ, quyền hạn”, được hiểu là người phạm tội đã dựa vào chức vụ, quyền hạn mà mình được đảm nhiệm để thực hiện

hành vi phạm tội. Chủ thể của tội phạm là người phải có chức vụ, quyền hạn và hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có liên quan trực tiếp đến chức vụ quyền hạn của họ, nếu họ không có chức vụ quyền hạn đó thì khó có thể thực hiện hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy đó. Chức vụ, quyền hạn của người phạm tội là điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các hành vi phạm tội.

d. Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

Tiểu mục 2.2 mục 2 phần I Thông tư liên tịch 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP hướng dẫn tình tiết “lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức” được hiểu là người phạm tội đã lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc hoặc công tác để thực hiện hành vi phạm tội. Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức để tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là trường hợp người phạm tội thông qua cơ quan, tổ chức mà mình là thành viên để tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

đ. Vận chuyển, mua bán qua biên giới;

Mua bán ma túy qua biên giới là hành vi mua, bán, trao đổi, thanh toán chất ma túy trái phép qua biên giới nước này và nước khác. Vận chuyển ma túy qua biên giới là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp chất ma túy bằng cách sử dụng bất kì phương tiện, cách thức, thủ đoạn nào để đưa ma túy qua biên giới giữa Việt Nam với các nước láng giềng Việt Nam, biên giới của một nước khác với nước thứ ba không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất. Đây là hai hình thức khác nhau (vận chuyển, mua bán) vì thế chỉ cần người phạm tội thực hiện một trong hai hành vi thì có thể áp dụng tình tiết này. Người nào vận chuyển ma túy qua biên giới cho người khác mà biết mục đích của người đó là mua bán trái phép chất ma túy thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy qua biên giới với vai trò đồng phạm. Chỉ áp dụng tình tiết này trong trường hợp thực tế người phạm tội đã vận chuyển, mua bán chất ma túy qua biên giới. Nếu người phạm tội có mục đích vận chuyển, mua bán qua biên giới nhưng chưa thực hiện được thì không áp dụng chi tiết này.

e. Sử dụng trẻ em vào việc phạm tội hay bán ma túy cho trẻ em;

- Sử dụng trẻ em vào việc phạm tội là trường hợp người phạm tội đã dụ dỗ, mua chuộc, hăm dọa, khống chế, lôi kéo hoặc dùng bất kì thủ đoạn nào để người dưới 16 tuổi thực hiện một hoặc nhiều hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

- Bán ma túy cho trẻ em là dùng ma túy mà mình có được bằng bất kì hình thức nào để bán cho người dưới 16 tuổi để lấy tiền, tài sản hoặc bất kì lợi ích nào khác.

g) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ năm trăm gam đến dưới một kilôgam;

h) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam;

i) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng từ mười kilôgam đến dưới hai mươi lăm kilôgam;

k) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ năm mươi kilôgam đến dưới hai trăm kilôgam;

l) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ mười kilôgam đến dưới năm mươi kilôgam;

m) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam;

n) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ một trăm mililit đến dưới hai trăm năm mươi mililit;

o) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm g đến điểm n khoản 2 Điều này;

p) Tái phạm nguy hiểm;

Theo quy định tại khoản 2, Điều 49, BLHS năm 1999 thì tình tiết “tái phạm nguy hiểm” trong điều luật này được hiểu là các trường hợp người đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 194; hoặc đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

**** Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 194 BLHS***

Khung tăng nặng thứ hai có mức phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, áp dụng cho những trường hợp phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có một trong những tình tiết tăng nặng sau:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ một kilôgam đến dưới năm kilôgam;
- b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ ba mươi gam đến dưới một trăm gam;
- c) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng từ hai mươi lăm kilôgam đến dưới bảy mươi lăm kilôgam;
- d) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ hai trăm kilôgam đến dưới sáu trăm kilôgam;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ năm mươi kilôgam đến dưới một trăm năm mươi kilôgam;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ hai trăm năm mươi mililit đến dưới bảy trăm năm mươi mililit;
- h) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 3 Điều này.

**** Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 194 BLHS***

Khung tăng nặng thứ ba có mức phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, áp dụng cho những trường hợp phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có một trong những tình tiết tăng nặng sau:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ năm kilôgam trở lên;
- b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ một trăm gam trở lên;
- c) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng từ bảy mươi lăm kilôgam trở lên;
- d) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ sáu trăm kilôgam trở lên;

- đ) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ một trăm năm mươi kilôgam trở lên;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ bảy trăm năm mươi mililit trở lên;
- h) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 4 Điều này.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở nghiên cứu quy định khái niệm chung về tội phạm trong Bộ luật hình sự năm 1999, kết hợp với quy định tại Điều 194 BLHS, tác giả đã đưa ra được khái niệm cụ thể về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy và phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy; đồng thời khái quát lịch sử xây dựng và hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy để có cách nhìn toàn diện hơn về chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước ta đối với tội phạm này. Việc nghiên cứu, làm rõ những cơ sở lý luận và pháp lý của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có ý nghĩa hết sức quan trọng, là căn cứ cơ bản, là tiền đề để chúng ta tiến đến nghiên cứu hoạt động định tội danh tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội (từ năm 2011 đến năm 2015) và hoạt động quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội (từ năm 2011-2015).

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TUÝ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

2.1.1. Cơ sở lý luận của định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

2.1.1.1. Định tội danh và các đặc điểm của định tội danh

Quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự (QPPLHS) diễn ra phức tạp và đa dạng được thể hiện ở 3 giai đoạn: Định tội danh, định khung hình phạt và quyết định hình phạt. Trong đó, định tội danh là một giai đoạn quan trọng nhất trong ba giai đoạn trên của toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Bởi vì định tội danh được tiến hành thực hiện ở tất cả các giai đoạn của cả quá trình tố tụng hình sự từ giai đoạn khởi tố đến giai đoạn thi hành án. Trong khi đó bước quyết định hình phạt chỉ được tiến hành ở giai đoạn xét xử.

Định tội danh là một trong những biện pháp đưa BLHS vào đời sống xã hội, góp phần vào việc nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, qua đó góp phần thực hiện đường lối chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta.

Định tội danh là sự xác nhận về mặt pháp lý sự phù hợp (sự đồng nhất) giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện trong thực tế khách quan với các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm tương ứng được quy định trong BLHS. Hay nói cách khác, định tội danh là việc xác định một hành vi cụ thể đã thực hiện thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của CTP của tội nào trong số các tội phạm đã được quy định trong BLHS.

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy định tội danh có 4 đặc điểm như sau:

a, Định tội danh là một quá trình nhận thức có tính logic giữa lý luận và thực tiễn. Thể hiện ở 2 khía cạnh: xác định xem hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện có phù hợp với các dấu hiệu của CTP cụ thể trong BLHS và đưa ra sự đánh giá nhất định về mặt pháp lý hình sự đối với hành vi đã thực hiện trong thực tế.

i.b, Quá trình hoạt động định tội danh phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy phạm pháp luật của luật nội dung là BLHS cũng như các quy phạm pháp luật của luật hình thức là BLTTHS.

c, Định tội danh là một dạng hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng để cụ thể hóa các QPPLHS trừu tượng áp dụng vào đời sống thực tế. Trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết của hành vi phạm tội đã thực hiện và sự nhận thức đầy đủ, đúng đắn nội dung của các QPPLHS.

d, Định tội danh với tính chất là một dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự được tiến hành theo 04 bước sau:

Bước 1: Thiết lập, xem xét, đánh giá đúng các tình tiết của vụ án đã xảy ra trên thực tế khách quan.

Đối với bước này, đòi hỏi người định tội danh phải đánh giá các tình tiết của vụ án một cách khách quan, toàn diện, vô tư, không định kiến, không suy diễn. Phải dựa vào các chứng cứ đã thu thập được và đánh giá theo quy định của BLTTHS.

Mỗi một tình tiết trong vụ án bước đầu đánh giá chúng một cách độc lập để thấy được sự thể hiện tính chất của nó là loại hành vi nào. Sau đó, chính tình tiết đó lại tiếp tục đặt trong mối quan hệ với các tình tiết khác trong vụ án, thì kết luận về tính chất của tình tiết này mới là sự thể hiện về bản chất của nó trong cả quá trình của vụ án.

Đánh giá mỗi tình tiết của vụ án, phải đặt nó trong hoàn cảnh cụ thể, trong tổng thể, biện chứng của cả quá trình phản ánh đúng diễn biến của vụ án đã xảy ra. Bởi vì, cùng một tình tiết, nhưng đặt trong mỗi hoàn cảnh khác nhau thì chúng khác nhau về bản chất. Kết luận về từng tình tiết độc lập, không thể phản ánh đúng về bản chất của tình tiết đó trong toàn bộ diễn biến của vụ án.

Bước 2: Nhận thức một cách thống nhất và chính xác nội dung các quy phạm pháp luật hình sự phản ánh các dấu hiệu của CTTP về tội danh có hướng lựa chọn.

Việc tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của BLHS là điều kiện bắt buộc và rất cần thiết trong khi định tội danh, là việc thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước ta trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, các dấu hiệu trong CTTP được quy định trong BLHS mang tính trừu tượng chỉ nêu một cách khái quát những nét đặc trưng mang tính phổ biến để điều chỉnh hiện tượng thực tế muôn hình muôn vẻ, chính vì vậy các QPPL không thể phản ánh hết được tất cả các mặt của đời sống xã hội mà

chỉ phản ánh được những nét đặc trưng của nó. Nhưng mặt khác, luật phải được áp dụng đối với những trường hợp cụ thể. Vì vậy, đòi hỏi phải có quá trình tư duy để nhận thức sâu rộng, đúng đắn về nội dung của các dấu hiệu trong CTTP. Rất nhiều các QPPLHS chưa xác định rõ ràng ranh giới giữa chúng với nhau. Ví dụ: Việc quyết định hình phạt trong trường hợp bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng đồng thời có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hoặc như thế nào là nguy hiểm đáng kể và nguy hiểm chưa đáng kể. Chưa kể còn một số quy định trong BLHS thể hiện rõ sự bất cập của nó như: chính sách hình sự đối với người phạm tội chưa đủ 16 tuổi..

Trong các trường hợp này đòi hỏi người định tội danh phải tự đánh giá trên căn cứ khoa học và căn cứ thực tế sao cho có sức thuyết phục. Hay nói cách khác, đòi hỏi người định tội danh phải có trình độ pháp lý hình sự.

Bước 3: So sánh đối chiếu hai quá trình trên.

Bước 4: Ra văn bản áp dụng pháp luật chính là bản án và các quyết định có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục về 3 bước trên để xác định tội danh cần áp dụng đối với trường hợp phạm tội của người đó.

Qua các đặc điểm của định tội danh đã phân tích ở trên có thể đưa ra khái niệm định tội danh như sau: *Định tội danh là hoạt động thực tiễn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trên cơ sở các quy định của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự để xác định, so sánh và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội cụ thể trong thực tế đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của điều luật tương ứng trong Phần các tội phạm BLHS quy định, cũng như các quy định khác trong BLHS có liên quan, qua đó làm tiền đề phân tích, đánh giá và ra quyết định về trách nhiệm hình sự cũng như hình phạt của người phạm tội.*

Từ cơ sở lý luận về định tội danh nêu trên, kết hợp với quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, theo chúng tôi có thể đưa ra khái niệm đang nghiên cứu như sau:

Định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là hoạt động thực tiễn của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trên cơ sở các quy định của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự để xác định, so sánh và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu

hiệu của hành vi phạm tội cụ thể trong thực tế đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của Điều 194 và các quy định khác có liên quan trong Bộ luật hình sự, qua đó làm tiền đề để phân tích, đánh giá và ra quyết định về trách nhiệm hình sự cũng như hình phạt của người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

2.1.1.2. Các yếu tố làm căn cứ trong hoạt động định tội danh

Các văn bản pháp luật - là cơ sở pháp lý - được sử dụng trong hoạt động định tội danh đó là: BLHS, BLTTHS. Văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật phòng chống ma túy... Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của BTVQH, Nghị quyết của hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao, Thông tư liên ngành của TANDTC, VKSNDTC, BCA, BTP... Trong số các văn bản pháp luật thì BLHS là cơ sở pháp lý trực tiếp cho toàn bộ quá trình định tội danh còn các văn bản còn lại chỉ là cơ sở pháp lý bổ trợ (gián tiếp) cho quá trình này.

Cơ sở pháp lý của định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là toàn bộ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến vấn đề định tội danh đối với tội phạm này. Theo quan điểm của các nhà khoa học pháp lý hình sự Việt Nam hiện nay, có thể có hai cách tiếp cận đối với vấn đề cơ sở pháp lý của định tội danh: một cách tiếp cận theo nghĩa hẹp và cách tiếp cận kia theo nghĩa rộng.

** Cơ sở pháp lý về nội dung của định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*

Cơ sở pháp lý về nội dung của định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là các văn bản pháp luật trong lĩnh vực luật hình sự, mà trước hết và chủ yếu là Bộ luật hình sự.

** Cơ sở pháp lý về hình thức của định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*

Cơ sở pháp lý về hình thức được hiểu là các văn bản pháp luật quy định về thủ tục tố tụng làm cơ sở cho việc định tội danh và giải quyết vụ án hình sự.

2.1.1.3. Ý nghĩa của hoạt động định tội danh

Hoạt động định tội danh của các chủ thể có thể theo 2 xu hướng: Định tội danh đúng và định tội danh sai

* Đối với hoạt động định tội danh đúng

Định tội danh đúng là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hoá hình phạt một cách công minh và có căn cứ pháp luật.

Định tội danh đúng sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện một loạt các nguyên tắc tiến bộ được thừa nhận trong Nhà nước pháp quyền như: nguyên tắc pháp chế, trách nhiệm do lỗi, trách nhiệm cá nhân, bình đẳng trước pháp luật hình sự, nguyên tắc công minh nhân đạo và nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm.

Định tội danh đúng là một trong những cơ sở để áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự về tạm giam, về thẩm quyền điều tra, xét xử qua đó góp phần hữu hiệu cho việc bảo vệ các quyền và tự do dân chủ của công dân trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

* Đối với hoạt động định tội danh sai

Định tội danh sai sẽ dẫn đến một loạt các hậu quả tiêu cực như: không đảm bảo được tính công minh có căn cứ đúng pháp luật, truy cứu trách nhiệm hình sự người vô tội, bỏ lọt người phạm tội, xâm phạm thô bạo danh dự nhân phẩm các quyền tự do dân chủ của công dân là giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận trong Nhà nước.

Định tội danh sai làm giảm uy tín của cơ quan tư pháp, vi phạm pháp chế XHCN, ảnh hưởng đến hiệu quả của đấu tranh phòng chống tội phạm. Nghị quyết 388/UBTVQH ban hành ngày 17/3/2003 về bồi thường oan trong tố tụng hình sự. Những vụ việc oan sai chủ yếu bắt nguồn từ việc đánh giá chứng cứ phiến diện, thiếu thận trọng, nôn nóng khởi tố, bắt tạm giam, suy diễn chủ quan.

2.1.2. Thực tiễn định tội danh tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội

2.1.2.1. Tình hình xét xử tội phạm nói chung và tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2011-2015

Qua nghiên cứu, phân tích số liệu thống kê của Tòa án nhân dân quận Long Biên về tình hình xét xử sơ thẩm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong thời gian từ năm 2011-2015 cho thấy:

Bảng 2.1: Tình hình xét xử tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn quận Long Biên.

Năm	Tổng số vụ án đưa ra xét xử	Tổng số bị cáo đưa ra xét xử	Tổng số vụ án đưa ra xét xử theo Điều 194	Tổng số bị cáo đưa ra xét xử theo Điều 194	Tỷ lệ % (I) và (III)	Tỷ lệ % (II) và (IV)
	(I)	(II)	(III)	(IV)		
2011	378	612	184	207	48.7	33.8
2012	469	769	238	265	50.7	34.5
2013	403	578	201	219	49.9	37.9
2014	382	621	169	193	44.2	31.1
2015	317	470	152	187	47.9	39.8
Tổng	1949	3050	944	1071	48,43	35,11

Nguồn: Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Phân tích Bảng 2.1 cho thấy:

Trong thời gian từ năm 2011-2015, tổng số các loại vụ án do Tòa án nhân dân quận Long Biên đưa ra xét xử là 1949 vụ án và tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử là 3050 bị cáo. Trong đó, tổng số vụ án đưa ra xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là 944 vụ án (chiếm tỷ lệ là 48.43 %) và số bị cáo bị xét xử tội này là 1071 bị cáo (chiếm tỷ lệ là 35.11%). Điều đó cho thấy trong những năm qua, quận Long Biên là một điểm nóng về tội phạm đặc biệt là tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy đã chiếm số lượng lớn và chủ yếu trong cơ cấu các loại tội phạm trên địa bàn quận.

Bảng 2.2: Tỷ lệ xét xử sơ thẩm các vụ án và bị cáo bị về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy so với các tội phạm về ma túy trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015.

Năm	Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo Điều 194 (I)		Các tội về ma túy (II)		Tỷ lệ % (I) so với (II)	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2011	184	207	184	207	100	100
2012	238	265	243	272	97.9	97.4
2013	201	219	207	225	97.1	97.3
2014	169	193	169	193	100	100
2015	152	187	152	187	100	100
Tổng	944	1071	955	1084	98.8	98.8

Nguồn: Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Phân tích Bảng 2.2 cho thấy:

Trong toàn bộ các vụ án về tội phạm ma túy do Tòa án nhân dân quận Long Biên đã xét xử thì số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy luôn chiếm tỷ lệ cao; trong các năm 2011, 2014, 2015 chiếm tỷ lệ là 100%, trong 5 năm từ năm 2011-2015 chiếm tỷ lệ là 98.8%.

Bảng 2.3: Tổng số vụ, số bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Long Biên đã xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ năm 2011-2015

Năm	Số vụ phải xét xử		Số đã xét xử		Số trả lại viện kiểm sát	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	184	207	176	196	8	11
2012	238	265	232	258	6	7
2013	201	219	196	213	5	6
2014	169	193	158	179	11	14
2015	152	187	140	172	12	15
Tổng	944	1071	902	1018	42	53

Nguồn: Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Phân tích bảng 2.3 cho thấy:

Trong thời gian từ năm 2011-2015, số vụ án phải xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là 944 vụ với 1071 bị cáo, đã xét xử 902 vụ với 1018 bị cáo, số vụ án trả lại Viện kiểm sát là 42 vụ với 53 bị cáo.

2.1.2.2. Thực tiễn định tội danh tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2011-2015 theo cấu thành cơ bản

Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy không có các tình tiết là yếu tố định khung hình phạt, được quy định tại khoản 1 điều 194 BLHS. Qua thống kê trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn từ năm 2011-2015, số bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại khoản 1 Điều 194 có khoảng 993 bị cáo chiếm 92,7% trên tổng số bị cáo. Vì các tội phạm về ma túy, chủ yếu là bắt quả tang nên hành vi phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, thu giữ tang vật ngay tại hiện trường nên khi bị bắt, tội phạm đều thành khẩn khai nhận về hành vi của mình, mức hình phạt của tội này là từ hai năm đến bảy năm tù. Đây là loại tội phạm nghiêm trọng nên đa số không áp dụng hình phạt cho hưởng án treo, sau khi tuyên án, các bị cáo đều nhận tội. Đồng thời, người phạm tội ở khoản 1, không có tình tiết định khung, đa phần là phạm tội lần

đầu và có các tình tiết giảm nhẹ nên trung bình mức hình phạt ở khoản này là từ 1 năm tù đến 5 năm tù là thỏa đáng.

Việc định tội danh theo khoản 1 Điều 194 BLHS trên địa bàn quận Long Biên trong 05 năm qua chủ yếu thể hiện ở một số nội dung nổi bật sau:

- Định tội danh theo một hành vi quy định tại điều 194 BLHS và quyết định một hình phạt về hành vi đó. Bị cáo chỉ thực hiện một hành vi phạm tội (một trong các hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy) và phải chịu một hình phạt tương ứng với hành vi đã thực hiện.

Ví dụ 1: Ngày 13/5/2015, công an phường Bồ Đề bắt quả tang Nguyễn Tú Nam đang để trong cốp xe máy 01 túi nilon trong có 01 gói chứa chất bột màu trắng là Hêrôin trọng lượng 0,125 gam, đi xe máy di chuyển từ phố Việt Hưng đến phố Nguyễn Sơn. Nam khai do nghiện ma túy nên đi mua về sử dụng, khi về gần đến nhà thì bị bắt quả tang. Tại bản án số 67/2015/HSST ngày 07/9/2015, Tòa án nhân dân quận Long Biên xử phạt Nguyễn Tú Nam 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ví dụ 2: Khoảng 19h ngày 19/7/2015, Nguyễn Văn Đông bắt xe ôm ra bến xe Gia Lâm mua của một đối tượng tên Hoàng (không rõ lai lịch) một cục ma túy tổng hợp dạng đá với số tiền 500.000đ. Ngày 20/7/2015 Đông lấy một ít ma túy ra sử dụng, số còn lại chia thành 3 gói nhỏ giấu vào trong người rồi đến quán Karaoke Quỳnh Hương (đường Nguyễn Sơn, thành phố Hà Nội). Tại đây, khi Đông đang bán cho Nguyễn Minh Trường thì bị bắt. Tiến hành khám xét thu giữ tiếp trong người 2 gói ma túy. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 83/HSST ngày 22/10/2015 của TAND quận Long Biên, thành phố Hà Nội tuyên bị cáo Nguyễn Văn Đông phạm tội mua bán trái phép chất ma túy.

- Định tội danh trong trường hợp đồng phạm đối với các đối tượng đi mua hộ, giao hộ ma túy cho người khác. Theo đó, các bị cáo phải chịu hình phạt về tội mua bán trái phép chất ma túy vì hành vi đi mua hộ ma túy của mình.

Ví dụ: Khoảng 19 giờ ngày 21/5/2014, khi Nguyễn Văn Bình đang ở nhà tại phường Bồ Đề, quận Long Biên thì có một người đàn ông có quen biết đến đưa cho Bình 2 triệu đồng nhờ đi mua hộ Hêrôin và cho Bình 100 nghìn tiền công. Nguyễn Văn Bình cầm số tiền đó đến khu vực bến xe Gia Lâm mua 01 gói Hêrôin với giá 1 triệu 9 trăm nghìn đồng tương đương 2,16gam. Sau khi về nhà thì Bình nhờ Đỗ Đình

Nam đưa số Hêrôin trên đến giao cho người đàn ông đã nhờ Bình mua Hêrôin và dặn Nam nhớ xin lại một ít để dùng. Đang trên đường đi thì bị bắt quả tang. Tại bản án số 59/2014/HSST ngày 08/9/2014, Tòa án nhân dân quận Long Biên đã xử phạt Nguyễn Văn Bình 03 năm tù và Đỗ Đình Nam 02 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy.

- Định tội danh đối với bị cáo trong trường hợp là dựa trên lời khai của người làm chứng, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác bởi quá trình bắt giữ không thu giữ được chất ma túy.

Ví dụ: Khoảng 7 giờ ngày 23/6/2015 Vũ Minh Huy đã mua ma túy về sử dụng và để bán. Cũng cùng ngày Huy đã trao đổi với Phạm Hoàng Nam và Nguyễn Trung Đức 13 gói Hêrôin trọng lượng 2,01 gam để trừ nợ. Sau khi nhận số ma túy đó, Nam và Đức cùng mang đi bán và bị bắt quả tang tại khu nhà trọ bà Nguyễn Thị Thảo cư trú tại tổ 14 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Tại bản án số 76/2015/HSST ngày 05/10/2015 Tòa án nhân dân quận Long Biên xử phạt Vũ Minh Huy, Phạm Hoàng Nam, Nguyễn Trung Đức tội mua bán trái phép chất ma túy trong đó xử phạt Vũ Minh Huy 48 tháng tù giam.

2.1.2.3. Thực tiễn định tội danh tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2011-2015 theo cấu thành tăng nặng

Như đã nói trên, tình hình tội phạm ma túy có chiều hướng gia tăng về phạm vi, quy mô, tổ chức. Lợi nhuận mà ma túy mang lại cho những người phạm tội là siêu lợi nhuận, đồng thời khi đã nghiện ma túy thì rất khó bỏ. Qua khảo sát thực tiễn hoạt động định tội danh tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên từ năm 2011-2015 thấy rằng, đối với cấu thành tăng nặng thì số bị cáo định tội danh theo khoản 2 Điều 194 BLHS chiếm tỷ lệ tuyệt đối; không có bị cáo nào định tội danh theo khoản 3, khoản 4 BLHS. Từ năm 2011-2015 theo thống kê trên địa bàn quận Long Biên có 78 bị cáo bị phạm tội tại khoản 2 điều 194 BLHS chiếm 7,3% trên tổng số bị cáo tập trung vào một số tình tiết như “phạm tội nhiều lần”, “tái phạm nguy hiểm”.

Ví dụ: Khoảng 22h00 ngày 17/2/2015 Lê Văn Long gọi điện thoại cho Trần Văn Hải hỏi mua 2 tép hêrôin với giá 400.000đ, Hải đồng ý và hẹn Long đến trước cửa số nhà 37 ngõ 324 Ngõ Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội để giao ma túy và nhận tiền. Sau đó Hải điều khiển xe mô tô đem theo 2 tép hêrôin đến điểm hẹn, khi Hải và Long đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì bị lực lượng Công an quận Long Biên bắt quả tang, thu giữ 2 gói hêrôin trọng lượng 0,109 gam. Tiến hành khám xét chỗ ở của Hải tại số nhà 29 ngõ 367 Ngõ Gia Tự, quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã phát hiện và thu được 8 gói hêrôin trọng lượng 0,380 gam. Qua điều tra, Hải khai nhận toàn bộ số ma túy trên mua của một người tên Sơn (chưa rõ lai lịch) ở thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội để sử dụng cho bản thân và bán lại cho các con nghiện kiếm lời. Cụ thể:

- Khoảng thời gian đầu tháng 2/2015 Hải có bán cho Long 1 tép ma túy với giá 170.000đ tại đường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội.

- Khoảng thời gian đầu tháng 1/2015 Hải đã 2 lần bán cho Trung tại chân cầu Long Biên, địa phận quận Long Biên, Hà Nội và ngày 11/2/2015 Hải tiếp tục bán ma túy cho Trung tại đền Ghềnh, quận Long Biên, Hà Nội.

- Vào các ngày 5/2/2015 và ngày 8/2/2015 tại khu vực nhà máy diêm thống nhất, 670 Ngõ Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hải đã 2 lần bán ma túy cho Quân, mỗi lần bán 1 tép giá 200.000đ.

Ngoài ra, trước khi bị bắt vào ngày 13/12/2008 bị cáo Trần Văn Hải đã bị TAND quận Long Biên, thành phố Hà Nội kết án về tội rất nghiêm trọng và xử phạt 7 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 23/11/2013 chưa được xoá án tích.

Với hành vi trên, bị cáo Trần Văn Hải bị TAND quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã bị xét xử về tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 BLHS.

Qua nghiên cứu, khảo sát các bản án hình sự sơ thẩm do Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong giai đoạn 2011-2015 thì những hành vi phạm tội và bị định tội danh chủ yếu trong thời gian qua trên địa bàn quận Long Biên là hành vi tàng trữ, mua bán trái

phép chất ma túy, hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy có số lượng tương đối ít và không có hành vi nào chiếm đoạt chất ma túy.

Bên cạnh những vấn đề trên thì thực tiễn trong thời gian qua, việc định tội danh của các cơ quan tố tụng trên địa bàn quận Long Biên vẫn còn một số thiếu sót, hạn chế:

Sau khi có Công văn 234/TANDTC-HS của Tòa án nhân dân tối cao về việc tiến hành giám định hàm lượng các chất ma túy khi thu giữ để phục vụ công tác xét xử thì việc định tội danh giữa các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có nhiều điểm thiếu thống nhất trong việc giải quyết vụ án. Trong khi các cơ quan điều tra và Viện kiểm sát vẫn căn cứ vào trọng lượng chất ma túy đã thu giữ được để tiến hành định tội danh và định khung hình phạt thì ngược lại, cơ quan Tòa án lại căn cứ vào trọng lượng chất ma túy sau khi giám định hàm lượng để định khung hình phạt. Thực tế đó đã gây ra tình trạng trong một số vụ án sau khi điều tra Viện kiểm sát đã truy tố bị can theo quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 194 BLHS nhưng khi xét xử Tòa án lại áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn khung mà Viện kiểm sát đã truy tố do trọng lượng thay đổi sau khi giám định hàm lượng. Mặt khác, có nhiều vụ án khi tiến hành bắt quả tang nhưng qua cân xác định trọng lượng thì có số lượng nhỏ (0,1 gam) nên các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã không thể tạm giữ đối với các đối tượng.

2.2. Quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

2.2.1. Cơ sở lý luận của quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

2.2.1.1. Quyết định hình phạt và các đặc điểm của quyết định hình phạt

Quyết định hình phạt là hoạt động mang tính chính trị - pháp lý nhân văn, thể hiện quyền lực nhà nước, thể hiện sự lên án đánh giá của xã hội đối với tội phạm, nó là một hoạt động thực tiễn mang tính quyền lực nhà nước.

Quyết định hình phạt không chỉ là cơ sở, tiền đề cho việc đạt được mục đích của hình phạt mà nó còn là yếu tố quan trọng hàng đầu để nâng cao hiệu quả của hình phạt.

Quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn quan trọng, là một trong những nội dung cơ bản của quá trình áp dụng pháp luật hình sự và chỉ có Tòa án mới có quyền quyết định hình phạt.

Quyết định hình phạt là một dạng hoạt động áp dụng pháp luật hình sự do Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành đối với người thực hiện tội phạm theo một trình tự nhất định. Ngoài ra nó còn là một dạng hoạt động pháp lý tố tụng hình sự, bởi vì để quyết định hình phạt, Tòa án phải dựa vào kết quả của các giai đoạn tố tụng hình sự khác như kết quả hoạt động điều tra, truy tố và kết quả hoạt động của mình ở giai đoạn xét xử để tuyên một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung của quyết định hình phạt thể hiện ở hai điểm sau:

Thứ nhất, Tòa án lựa chọn một trong những hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản điều luật) được áp dụng để quyết định đối với bị cáo

Thứ hai, xác định một mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo.

Hai nội dung đó được tiến hành theo trình tự và được thực hiện khi áp dụng cả hình phạt chính lẫn hình phạt bổ sung. Loại mà mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo phải được thể hiện trong bản bản buộc tội theo quy định của BLTTHS và được công bố một cách công khai khi tuyên án [36, tr.385].

Hình phạt là do tòa án quyết định tùy thuộc vào các tình tiết cụ thể của vụ án, phải đảm bảo được sự tương xứng của hình phạt được tuyên với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện với các đặc điểm của nhân thân người phạm tội, với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm với dư luận xã hội, với ý thức pháp luật.

Từ những phân tích trên chúng tôi cho rằng, *quyết định hình phạt là hoạt động nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự, do Tòa án có thẩm quyền (Hội đồng xét xử), nhân danh Nhà nước CHXHCN Việt Nam thực hiện sau khi đã định tội danh và tùy thuộc vào từng trường hợp để quyết định khung hình phạt, loại hình phạt (hình phạt chính, hình phạt bổ sung), mức hình phạt cụ thể áp dụng cho chính cá nhân người phạm tội trong phạm vi giới hạn của khung hình phạt do luật định, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hoặc miễn hình phạt cho người phạm tội theo quy định của BLHS.*

Qua nghiên cứu, chúng tôi cho rằng, *quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là việc Tòa án căn cứ vào các tình tiết của vụ án nhằm lựa chọn loại hình phạt cụ thể, bao gồm hình phạt chính và có*

thể cả hình phạt bổ sung, với mức độ cụ thể trong phạm vi BLHS quy định để áp dụng đối với người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

2.2.1.2. Nguyên tắc quyết định hình phạt

Các nguyên tắc quyết định hình phạt bao gồm: Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc cá thể hoá hình phạt và nguyên tắc công bằng.

- *Nguyên tắc pháp chế XHCN*: Nội dung của nguyên tắc này được thể hiện trước hết ở việc Toà án chỉ có thể quyết định một hình phạt đối với người phạm tội. Một nội dung khác của nguyên tắc này là khi quyết định hình phạt, Toà án phải tuân theo trình tự, các điều kiện áp dụng của từng loại hình phạt cụ thể và đặc biệt Toà án chỉ có thể tuyên những hình phạt được quy định trong BLHS. Tư tưởng cơ bản của nguyên tắc này là khi áp dụng hình phạt đối với người bị kết án thì Toà án phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng.

- *Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa*: Khi quyết định hình phạt, Toà án phải cân nhắc, đánh giá một cách hài hoà, hợp lý trong một thể thống nhất lợi ích của xã hội của Nhà nước và của người phạm tội. Theo đó, Toà án phải xuất phát từ tư tưởng nhân đạo để áp dụng và tuân thủ triệt để các quy định của luật hình sự về việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội không nhằm mục đích gây đau đớn về thể xác và hạ thấp nhân phẩm con người mà ngược lại bên cạnh mục đích chính trị thì mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội luôn là mục đích cao nhất mà chúng ta hướng tới.

- *Nguyên tắc cá thể hoá hình phạt*: Nội dung của nguyên tắc này thể hiện ở chỗ khi quyết định hình phạt, Toà án phải cân nhắc đầy đủ các căn cứ quyết định hình phạt để từ đó làm cơ sở cho Toà án quyết định hình phạt đúng đắn với người phạm tội.

- *Nguyên tắc công bằng*: Nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt được tuyên cần phản ánh một cách đúng đắn dư luận xã hội, ý thức pháp luật và đạo đức xã hội, phải có sức thuyết phục mọi người. Trong lĩnh vực hình sự, nguyên tắc công bằng còn thể hiện là sự tương xứng giữa tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và TNHS của người thực hiện hành vi phạm tội phải chịu.

2.2.1.3. Căn cứ quyết định hình phạt

Để đảm bảo chất lượng, hiệu quả của hoạt động quyết định hình phạt, Điều 45 BLHS năm 1999 quy định các căn cứ quyết định hình phạt mà Toà án bắt buộc phải dựa vào khi quyết định hình phạt là:

** Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự.*

Quy định của BLHS là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để Toà án định tội danh và xác định khung hình phạt, yêu cầu đầu tiên của việc lựa chọn đúng loại và mức hình phạt cụ thể. Việc quy định căn cứ “quy định của bộ luật hình sự” nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng pháp luật khi áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào quyết định hình phạt. Nếu không dựa vào quy định của BLHS sẽ dẫn đến việc tùy tiện hoặc lạm dụng các quy phạm pháp luật hình sự khi quyết định hình phạt, đồng thời hình phạt được quyết định cũng khó có thể tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Chính vì vậy, Điều 45 BLHS năm 1999 đã buộc Hội đồng xét xử phải “căn cứ” vào quy định của BLHS gồm có cả phần chung và Điều 194 BLHS có liên quan đến tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Vì vậy, chỉ quyết định hình phạt khi có đủ căn cứ xác định một người đã phạm vào một tội mà Bộ luật hình sự quy định, tức là phải định tội trước rồi mới quyết định hình phạt sau.

** Căn nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.*

Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm đã cho thấy các trường hợp phạm tội diễn ra hết sức đa dạng, phức tạp và không bao giờ giống nhau một cách tuyệt đối, kể cả các trường hợp cùng phạm một tội cụ thể cũng luôn khác nhau về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội. Do đó, để quyết định hình phạt đối với mỗi hành vi phạm tội cụ thể, luật bắt buộc Hội đồng xét xử phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đây là yêu cầu có tính chất quyết định đến khả năng đạt được các mục đích của hình phạt. Việc quy định căn cứ này sẽ giúp cho Hội đồng xét xử có cơ sở vững chắc và điều kiện để lựa chọn và quyết định hình phạt với mức độ cụ thể tương xứng với hành vi phạm tội, đáp ứng được yêu cầu của nguyên tắc cá thể hoá hình phạt trong quyết định hình phạt. Có như vậy mới đảm bảo được sự bình đẳng, thống nhất, chính xác khi quyết định hình phạt đối với các trường hợp phạm tội khác nhau về cùng một tội hay trong cùng một khung hình phạt. Quyết định hình phạt

là lựa chọn loại hình phạt cụ thể với mức độ nhất định trong phạm vi khung hình phạt của điều luật về tội phạm đã quy định. Việc nhà làm luật xây dựng các khung hình phạt khác nhau trong một điều luật về tội phạm chính là sự phản ánh tương quan với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Còn các mức độ khác nhau của hình phạt trong giới hạn từ tối thiểu đến tối đa của mỗi khung hình phạt lại phản ánh sự tương quan với các mức độ nguy hiểm khác nhau cho xã hội của hành vi phạm tội. Như vậy, tính chất nguy hiểm cho xã hội là cơ sở để xác định khung hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội. Chúng tôi cho rằng khi quyết định hình phạt nếu lại căn cứ vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là chưa khoa học và thiếu công bằng vì một tình tiết đã được sử dụng làm yếu tố định khung hình phạt thì không thể được sử dụng một lần nữa khi quyết định hình phạt. Điều đó không những vi phạm các nguyên tắc của Luật hình sự mà quan trọng hơn còn làm xấu đi tình trạng pháp lý của bị cáo.

** Cân nhắc nhân thân người phạm tội*

Nhân thân người phạm tội là một phạm trù lịch sử, bao gồm tổng hợp các đặc điểm về xã hội, tâm lý, đạo đức, sinh học, nói lên tính chất của con người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị quy định trong BLHS là tội phạm. Các đặc điểm này có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết vấn đề TNHS của người phạm tội một cách công minh, có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, nghiên cứu về nhân thân người phạm tội sẽ cho chúng ta biết được những đặc điểm tốt, những đặc điểm xấu, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình hình thành nhân cách của người phạm tội để qua đó góp phần đánh giá chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như khả năng giáo dục, cải tạo họ. Đây là ưu điểm của căn cứ thứ ba này so với căn cứ như nhất và căn cứ thứ hai vì trên cơ sở hai căn cứ đầu tiên, việc cân nhắc nhân thân người phạm tội sẽ giúp cho Hội đồng xét xử không chỉ quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà hình phạt đó còn phù hợp với khả năng giáo dục, cải tạo của người phạm tội. Chỉ có như vậy mới giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của người phạm tội, đảm bảo cho việc cá thể hoá hình phạt một cách chính xác nhằm đạt được tốt nhất các mục đích của hình

phạt. Tuy nhiên, việc cân nhắc nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt phải quán triệt các yêu cầu mang tính nguyên tắc sau:

Thứ nhất: Các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội theo quy định của BLHS là tình tiết định tội, tình tiết định khung hình phạt hoặc đã được xác định là tình tiết giảm nhẹ hay tình tiết tăng nặng TNHS thì không được sử dụng một lần nữa để cân nhắc nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt.

Thứ hai: Chỉ những đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội có liên quan trực tiếp đến tội phạm được thực hiện mà việc cân nhắc chúng nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của người phạm tội và tạo khả năng cao nhất để có thể đạt được mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội mới được xem xét khi quyết định hình phạt.

Thứ ba: Trong mỗi quan hệ với căn cứ thứ hai, nhân thân người phạm tội chỉ là căn cứ giữ vị trí hỗ trợ, bổ sung để hình phạt được tuyên không những đúng pháp luật mà còn phù hợp với thực tiễn, đảm bảo đạt được các mục đích của hình phạt.

Thứ tư: Cần phân định rõ các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội với các dấu hiệu chủ thể của tội phạm.

** Cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự*

Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS với tính chất là một căn cứ quyết định hình phạt là những tình tiết được quy định trong Phần chung của BLHS, có giá trị làm giảm hoặc tăng mức độ TNHS của người phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt để tạo tiền đề cho việc cá thể hoá hình phạt đối với người phạm tội được chính xác. Vì vậy, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS có ý nghĩa pháp lý hết sức quan trọng trong quyết định hình phạt nhằm đảm bảo cho hình phạt được tuyên một cách công bằng, thể hiện sự tương xứng giữa mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội với mức độ TNHS được áp dụng. Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là những biểu hiện có tính đặc thù của từng trường hợp phạm tội cụ thể nên mức độ ảnh hưởng của các tình tiết này đến việc quyết định hình phạt phải tùy thuộc vào từng vụ án hình sự cụ thể. Mức độ giảm nhẹ, tăng nặng TNHS của mỗi tình tiết không được nhà làm luật quy định trước trong luật mà thuộc quyền tùy nghi cân nhắc của Hội đồng xét xử. Vì vậy, khi cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS, cần phải quán triệt các yêu cầu có tính nguyên tắc sau:

Thứ nhất: Trong mỗi vụ án hình sự, trước tiên cần xác định tình tiết là yếu tố định tội, tình tiết là yếu tố định khung hình phạt trước rồi mới xác định tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Những tình tiết đã là yếu tố định tội, định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc tình tiết tăng nặng TNHS.

Thứ hai: Trong mỗi vụ án hình sự thường có cả tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng TNHS với những giá trị pháp lý không giống nhau. Điều đó đòi hỏi Hội đồng xét xử phải trên cơ sở đánh giá toàn diện các tình tiết trong mối liên hệ thống nhất của toàn bộ vụ án để xác định giá trị pháp lý, ý nghĩa của từng tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS làm căn cứ quyết định mức hình phạt tương xứng trong phạm vi khung hình phạt.

Thứ ba: Ngoài những tình tiết giảm nhẹ TNHS chung được quy định tại khoản 1 Điều 46, Hội đồng xét xử có quyền coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án. Ngược lại, ngoài những tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 48, Hội đồng xét xử không được coi bất kỳ tình tiết nào khác là tình tiết tăng nặng TNHS cho bị cáo.

Thứ tư: Khi bị cáo có từ hai tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46, Toà án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Ngược lại, dù bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 48 thì Toà án cũng không được quyết định hình phạt vượt quá giới hạn mức tối đa của khung hình phạt

2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội

2.2.2.1. Tổng quan

Qua nghiên cứu, phân tích số liệu thống kê của Tòa án nhân dân quận Long Biên về việc áp dụng hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong thời gian từ năm 2011-2015 cho thấy:

Bảng 2.4: Những hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy giai đoạn 2011-2015

Năm	Số bị cáo đã xét xử	Cảnh cáo	Cải tạo không giam giữ	Án treo	Tù dưới 3 năm	Tù 3 năm đến 7 năm	Tù trên 7 năm đến 15 năm
2011	207	0	0	0	133	58	16
2012	265	0	0	0	167	79	19
2013	219	0	0	0	148	61	10
2014	193	0	0	0	115	59	19
2015	187	0	0	0	125	48	14
Tổng	1071	0	0	0	688	305	78

Nguồn: Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Phân tích Bảng 2.4 cho thấy:

Trong thời gian từ năm 2011-2015, trong các bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy không có trường hợp nào bị cáo bị tuyên không có tội; miễn trách nhiệm hình sự; miễn hình phạt hoặc cảnh cáo. Đặc biệt, trong thời gian này không có bị cáo nào được hưởng án treo về tội này.

Việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo phạm tội này chủ yếu là hình phạt tù có thời hạn dưới 03 năm với 688 trường hợp và tù từ 03 năm đến 07 năm là 305 trường hợp còn lại 78 trường hợp bị kết án tù từ 07 năm trở lên. Việc áp dụng hình phạt bổ sung hầu như không áp dụng.

Bảng 2.5: Nhân thân của các bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Năm	Nhân thân của các bị cáo bị xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy									
	Số bị cáo đã xét xử	Đảng viên	Cán bộ công chức	Dân tộc thiểu số	Nữ	Từ đủ 14 tuổi -16 tuổi	Từ đủ 16 tuổi-30 tuổi	Người nước ngoài	Nghiện ma túy	Tái phạm, tái phạm nguy hiểm
2011	207	0	0	0	36	0	93	0	117	59
2012	265	0	0	0	47	0	89	0	126	57
2013	219	0	0	0	42	0	73	0	108	52
2014	193	0	0	0	32	0	89	0	88	34
2015	187	0	0	0	33	0	77	0	73	38

Nguồn: Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Phân tích Bảng 2.5 cho thấy:

Các đối tượng phạm tội chủ yếu tập trung vào 02 loại đối tượng là người nghiện ma túy 512 trường hợp (trung bình mỗi năm là 102 trường hợp) và người có độ tuổi từ 16 đến 30 tuổi là 421 trường hợp (trung bình mỗi năm là 84 trường hợp)

Các đối tượng phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm cũng ở mức cao là 240 trường hợp (trung bình mỗi năm 48 trường hợp)

Ngoài ra, các đối tượng nữ giới phạm tội này trong 05 năm là 190 đối tượng (trung bình mỗi năm 38 trường hợp) và không có cán bộ công chức, đảng viên, dân tộc thiểu số và người nước ngoài không có trường hợp nào phạm tội.

2.2.2.2. *Quyết định hình phạt đối với người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2011-2015 theo khoản 1 Điều 194 BLHS.*

Theo quy định của Điều 194 BLHS, người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có thể bị áp dụng những hình phạt sau đây: khoản 1 có mức từ 2 đến 7 năm tù; khoản 2 có mức hình phạt từ 7 đến 15 năm tù; khoản 3 từ 15 đến 20 năm tù; khoản 4 có mức hình phạt từ 20 năm tù, chung thân và tử hình; khoản 5 là hình phạt bổ sung. Để có thể đưa ra một trong những quyết định của hình phạt trên đối với bị cáo thì Tòa án cần phải tuân thủ các căn cứ quyết định hình phạt, ngoài ra còn phải tuân thủ các quy định khác trong BLHS như nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội (Điều 69); các tình tiết giảm nhẹ TNHS (Điều 46); các tình tiết tăng nặng TNHS (Điều 48); QĐHP trong trường hợp đồng phạm (Điều 53)...

Qua thực tiễn QĐHP tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2011-2015 cho thấy hầu hết bị cáo bị quyết định hình phạt theo khoản 1 Điều 194 BLHS với mức hình phạt từ 2 đến 7 năm tù (dưới 3 năm tù có 688 bị cáo; từ 3 đến 7 năm tù có 305 bị cáo) chiếm 92,7%.

Ví dụ: Tại bản án sơ thẩm số 32/2014/HSST ngày 17/5/2014, bị cáo Vũ Ngọc Huy nghiện ma túy từ năm 2005 đến nay. Bị cáo đã nhiều lần mua ma túy từ một người tên Tùng (không rõ lai lịch) ở Từ Sơn, Bắc Ninh. Sáng ngày 12/2/2014 bị cáo gọi điện thoại hẹn Tùng ở nhà nghỉ Hải Nam, Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội. Tại đây, Huy đã mua một gói ma túy với giá 6.150.000đ, sau khi mua xong Huy mang về phòng trọ tại phường Gia Thụy, Long Biên lấy một ít ra sử dụng và cắt nhỏ ra nhằm mục đích bán cho các đối tượng nghiện khác. Vừa sử dụng ma túy xong Huy bị lực lượng Công an quận ập đến bắt quả tang cùng với tang vật. Qua quá trình điều tra, Huy khai nhận đây là lần đầu tiên mua ma túy về bán cho các con nghiện. Tiến hành giám định số chất bột màu trắng là hêrôin trọng lượng 0,149 gam. Tuyên phạt Huy về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; 47 BLHS xử phạt Vũ Ngọc Huy 02 năm tù.

2.2.2.3. . *Quyết định hình phạt đối với người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2011-2015 theo khoản 2 Điều 194 BLHS.*

Theo khảo sát trên địa bàn quận Long Biên số bị cáo bị quyết định hình phạt theo khoản 2 Điều 194 BLHS chiếm tỷ lệ thấp gồm 78 bị cáo chiếm 7,3%, không có bị cáo nào bị quyết định hình phạt theo khoản 3, khoản 4 Điều 194 BLHS.

Ví dụ: Phạm Văn Dũng là đối tượng nghiện ma túy nên trong khoảng thời gian từ đầu tháng 4 đến ngày 13/4/2014 đã nhiều lần đến khu vực Cầu Chui quận Long Biên để mua hêrôin từ một người đàn ông (không rõ lai lịch) đem về sử dụng và bán cho Nguyễn Bá Duy kiến lời, cụ thể: Lần thứ 1, đầu tháng 4/2014, Dũng mua 2 tép hêrôin với giá 360.000đ đem về sử dụng 01 tép, 01 tép bán lại cho Duy thu lợi 20.000đ. Lần thứ 2, ngày 09/4/2014, Duy mua 2 lần hêrôin với số lượng 08 tép với giá 700.000đ, đem về chia làm 13 tép. Đến khoảng 18h ngày 12/4/2014 Dũng bán cho Duy 01 tép với giá 200.000đ thu lợi bất chính 130.000đ. Lần thứ 3, khoảng 20h ngày 13/4/2014 Dũng mang 12 tép còn lại đi bán cho các đối tượng nghiện thì bị bắt quả tang tại đường Phú Yên, phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội. Tại bản án HSST số 90/2014 ngày 21/7/2014

của TAND quận Long Biên đã áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46. Xử phạt Phạm Văn Dũng 07 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Thực tiễn cho thấy quyết định hình phạt của Tòa án nhân dân quận Long Biên đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy thường nghiêm khắc hơn hành vi tàng trữ chất ma túy. Việc quyết định hình phạt như vậy là do Tòa án đã tiến hành xem xét, đánh giá kỹ lưỡng, đầy đủ và chính xác về mức độ nguy hiểm mà loại hành vi bị cáo đã thực hiện gây ra cho xã hội, để từ đó quyết định cho bị cáo một hình phạt phù hợp và đúng pháp luật.

Trên cơ sở nghiên cứu số liệu và các bản án, chúng tôi nhận thấy, với những bị cáo có nhân thân xấu, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng bản thân lại không nghiện ma túy thì thường bị áp dụng những hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục họ.

Bên cạnh đó, việc quyết định hình phạt của Tòa án nhân dân quận Long Biên vẫn còn một số thiếu sót, hạn chế đó là:

- *Quyết định hình phạt quá nhẹ*: Là việc tòa án đã quyết định áp dụng loại và mức hình phạt nhẹ hơn so với loại và mức hình phạt mà lẽ ra người phạm tội phải chịu theo quy định của pháp luật

Vi dụ: Đỗ Tuấn Ngọc, sinh ngày 28/9/1993 (khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi) ngày 12/2/2012 Đỗ Tuấn Ngọc đến khu vực ga xe lửa Gia Lâm có hành vi bán trái phép 0,3 gam Methamphetamine cho một thanh niên không quen biết thì bị bắt quả tang, mở rộng điều tra Ngọc khai ngoài bán cho một thanh niên không quen biết, Ngọc và Phạm Tuấn Anh (sinh ngày: 23/10/1995; Trú tại: phường Phúc Đồng, quận Long Biên) đã bán cho hai đối tượng ở khu vực chợ Gia Lâm mà Tuấn Anh không biết tên. Cơ quan điều tra và VKS truy tố Đỗ Tuấn Ngọc phạm tội mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 54/2012/HSST, ngày 04/5/2012 của Tòa án nhân dân quận Long Biên xử Đỗ Tuấn Ngọc 24 tháng tù vì phạm tội mua bán trái phép chất ma túy Phạm Tuấn Anh cũng có hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng khi bị bắt chưa đủ 16 tuổi nên cơ quan điều tra quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với Phạm Tuấn Anh.

Trong vụ án này, Tòa án nhân dân quận Long Biên đã áp dụng điểm b, e, khoản 2 Điều 194; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Khoản 1 Điều 74 BLHS. Tuy nhiên mức hình phạt 24 tháng tù là quá nhẹ, không nghiêm, không đảm bảo sự công bằng cũng như mặt bằng pháp luật nói chung. Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo quyết định kháng nghị của VKS xử phạt bị cáo Ngọc 60 tháng tù.

Quyết định hình phạt quá nặng: Là việc Tòa án ra quyết định áp dụng loại và mức hình phạt nặng hơn so với loại và mức hình phạt mà đáng ra người phạm tội phải chịu theo quy định của pháp luật. So với quyết định hình phạt nhẹ hơn mức độ hành vi thì quyết định này ở TAND quận Long Biên xảy ra ít hơn.

Vi dụ: Khoảng hơn 13 giờ ngày 24/01/2011 Lập đi đến khu vực đê sông Hồng thuộc Gia Quất, phường Ngọc Thụy để mua 01 gói ma túy của một thanh niên không quen biết với giá 100 nghìn đồng để sử dụng đang trên đường về nhà thì bị bắt quả tang. Kết luận giám định gói ma túy thu được của Lập là Hêrôin trọng lượng 0,122gam. Tại bản án số 91/2011/HSST, ngày 29/4/2011 Tòa án nhân dân quận Long

Biên áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS xử phạt 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Trong vụ án trên hình phạt mà Tòa án áp dụng với bị cáo là quá nghiêm khắc bởi sau khi bị bắt bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo là lao động chính trong nhà, phải nuôi 2 con nhỏ, vợ ốm đau không đủ sức lao động, gia đình thuộc diện hộ nghèo, bị cáo có bố đẻ là người có công với đất nước đã được tặng huy chương chiến thắng hạng nhì vì có công trong kháng chiến chống Pháp, bố đẻ bị cáo lại là thương binh loại A hạng 5/6. Tòa án áp dụng hình phạt 24 tháng là quá nặng, chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Sau khi kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng mức án là 18 tháng tù.

- *Không áp dụng hình phạt bổ sung*: Qua nghiên cứu số liệu và các bản án, chúng tôi nhận thấy đa số các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, Tòa án đều ít khi áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Thậm chí một số vụ án về tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội này với số lượng lớn nhưng khi quyết định hình phạt, Tòa án vẫn không áp dụng hình phạt bổ sung.

Kết luận chương 2

Từ những nghiên cứu trên có thể thấy rằng, vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có ý nghĩa hết sức to lớn cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Để có được những quyết định chính xác và đúng pháp luật khi tiến hành định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy đòi hỏi người áp dụng pháp luật phải nhận thức đúng đắn về mặt lý luận của việc định tội danh và quyết định hình phạt. Thực tiễn trong những năm qua hoạt động xét xử các vụ án về ma túy nói chung và tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nói riêng của Tòa án nhân dân quận Long Biên đã đạt nhiều thành quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của công dân.

Tuy nhiên, khi xét xử Tòa án nhân dân quận Long Biên vẫn còn bộc lộ những sai sót, hạn chế khi quyết định hình phạt. Chính vì vậy, cần phải kịp thời khắc phục những sai sót, hạn chế đó nhằm giải quyết các vụ án một cách có hiệu quả cao nhất đáp ứng được những yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và các tội phạm về ma túy nói riêng.

Chương 3

CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TUÝ

3.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự

Bộ luật hình sự hiện hành chưa đánh giá được hết sự khác nhau về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nên đã quy định các hành vi trên cùng vào một điều luật với tính chất tội ghép để tiến hành định tội danh, đồng thời BLHS hiện hành cũng quy định các hình phạt và mức hình phạt chung cho các hành vi trên. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc quyết định hình phạt thiếu tính hợp lý và chính xác của Tòa án nhân dân quận Long Biên trong thời gian qua (quyết định hình phạt quá nhẹ hoặc quá nặng).

Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thuộc Điều 194 BLHS gồm 04 tội danh tương ứng với 04 hành vi có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau, trên thực tiễn xét xử thì hành vi mua bán trái phép chất ma túy được xác định có tính chất nguy hiểm cao hơn so với hành vi tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy. Do kết cấu là tội ghép, các tội danh có tính chất, mức độ khác nhau nhưng lại được áp dụng cùng một chính sách xử lý như nhau vì được quy định trong một điều luật nên gây khó khăn cho việc xác định tội danh, áp dụng hình phạt cũng như xác định các tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Hơn nữa, điều luật quy định về tội phạm ghép cũng không thể mô tả hết được hành vi khách quan và cấu thành cơ bản đối với từng tội phạm dẫn đến khó khăn cho việc xác định tội danh, áp dụng hình phạt chính xác, công bằng. Mặt khác, hiện nay theo quy định của BLHS thì mức hình phạt quy định cho các khung của Điều 194 còn quá rộng, việc này đã gây ra sự tùy tiện trong việc quyết định hình phạt dẫn đến thiếu tính thống nhất và tính thuyết phục trong quyết định.

Từ những phân tích trên mà chúng tôi hoàn toàn đồng tình với quan điểm được thể hiện trong BLHS 2015 về việc tách các hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán

trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy ra và quy định độc lập về tội danh cũng như mức hình phạt cụ thể đối với từng hành vi đó theo quy định tại các Điều 249, 250, 251 và 252 BLHS 2015. Đồng thời không quy định hình phạt tử hình đối với hành vi tàng trữ và chiếm đoạt chất ma túy. Mặt khác, đã quy định cụ thể hành vi phạm tội tại khoản 1 của tội tàng trữ, tội vận chuyển, tội mua bán trái phép, tội chiếm đoạt chất ma túy một cách cụ thể, chi tiết đồng thời thu hẹp khoảng cách mức hình phạt được quy định tại các khung hình phạt của tội tàng trữ trái phép chất ma túy và tội chiếm đoạt chất ma túy.

Cụ thể: Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
 - b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;
 - c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;
 - d) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;
 - đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;
 - e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;
 - g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;
 - h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililít đến dưới 100 mililít;
 - i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;
- e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;
- g) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;
- h) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;
- i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;
- k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;
- l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;
- m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;
- n) Tái phạm nguy hiểm;
- o) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;
- b) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;
- c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;
- d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

- d) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;
- h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;
- b) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng 100 gam trở lên;
- c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng 75 kilôgam trở lên;
- d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;
- h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 250. Tội vận chuyển trái phép chất ma túy

1. Người nào vận chuyển trái phép chất ma túy không nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

- b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;
- c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;
- d) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;
- đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;
- e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;
- h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;
- i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;
- e) Vận chuyển qua biên giới;
- g) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;
- h) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;
- i) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;
- k) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;
- l) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

- m) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;
- n) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;
- o) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm g đến điểm n khoản này;
- p) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao cô ca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;
- b) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;
- c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;
- d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit.
- h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;
- b) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng 100 gam trở lên;
- c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng 75 kilôgam trở lên;
- d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;

- d) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;
- h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.
2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:
 - a) Có tổ chức;
 - b) Phạm tội 02 lần trở lên;
 - c) Mua bán với 02 người trở lên;
 - d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
 - đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
 - e) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi;
 - g) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;
 - h) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;
 - i) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;
 - k) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;
 - l) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;
 - m) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;

- n) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;
- o) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm n khoản này;
- p) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;
- b) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;
- c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;
- d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;
- h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;
- b) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng 100 gam trở lên;
- c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng 75 kilôgam trở lên;
- d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;

- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;
- h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 252. Tội chiếm đoạt chất ma túy

1. Người nào chiếm đoạt chất ma túy dưới bất cứ hình thức nào thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
- b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;
- c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;
- d) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;
- đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;
- e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;
- h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;
- i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;

- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;
- e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;
- g) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;
- h) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;
- i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;
- k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;
- l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;
- m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililít đến dưới 250 mililít;
- n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này;
- o) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 đến 15 năm:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao cô ca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;
- b) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;
- c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;
- d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililít đến dưới 750 mililít;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 15 đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;

b) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng 100 gam trở lên;

c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng 75 kilôgam trở lên;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

3.2. Hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự

Qua nhiều năm áp dụng thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, các cơ quan tố tụng nhận thấy nảy sinh nhiều vướng mắc trong xử lý án ma túy. Phần lớn các tòa án địa phương đã quyết định trả hồ sơ vụ án cho VKS cùng cấp để điều tra bổ sung với lý do chưa giám định hàm lượng các chất thu giữ nghi là ma túy. VKS sau đó tiếp tục trả hồ sơ cho cơ quan điều tra do không có sự thống nhất về nhận thức pháp luật. Bên cạnh đó khi xử lý vụ việc, nhà chức trách do không thể xác định ngay được "hàm lượng chất ma túy" nên gặp khó khăn trong việc ra quyết định xử lý hình sự hay hành chính để từ đó áp dụng biện pháp ngăn chặn.

Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án ma túy (VKSND Tối cao) chỉ ra do bất cập của thông tư 17 nên thời gian vừa qua xuất hiện tư tưởng chỉ bắt các vụ có khả năng thu giữ số lượng ma túy lớn, không bắt những vụ buôn bán, tàng trữ nhỏ lẻ trong khi chính những vụ này mới là yếu tố gây mất trật tự trị an, bức xúc trong quần chúng nhân dân.

Việc giám định hàm lượng ma túy còn nhiều khó khăn vì giám định hàm lượng phải có các điều kiện: Máy sắc khí; Mẫu chuẩn mua của Liên Hợp Quốc (hiện nay rất khó khăn) hoặc tự sản xuất mẫu; Kỹ sư hóa được đào tạo, tập huấn kỹ năng; Phòng thí nghiệm đảm bảo phương tiện, hóa chất cần thiết...

Ma túy hiện nay có rất nhiều loại (nhiều loại mới), nếu không có mẫu chuẩn thì không thể so sánh giám định hàm lượng, nhất là tiền chất.

Việc giám định hàm lượng tất cả các địa phương toàn quốc phải gửi mẫu về Trung tâm giám định ma túy của Bộ Công an tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, việc đi lại vận chuyển ma túy đi giám định gặp nhiều khó khăn, tốn kém. Đối với Công an huyện vùng sâu, vùng xa có huyện chỉ có 1-2 điều tra viên điều tra án ma túy, mỗi vụ án thu được ma túy phải cử 1-2 điều tra viên mang mẫu về Trung tâm giám định thì rất khó khăn tốn kém về chi phí, thời gian đi lại chờ đợi.

Một số văn bản có những nội dung không còn phù hợp với hành vi phát sinh trong xã hội dẫn đến việc áp dụng BLHS còn xảy ra quan điểm không thống nhất nhau gây khó khăn, lúng túng trong việc giám định hàm lượng chất ma túy làm vướng mắc trong quá trình giải quyết các vụ án về ma túy, đặc biệt sau khi Tòa án nhân dân tối cao ban hành Công văn 234/TANDTC-HS ngày 17/9/2014 yêu cầu Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp thực hiện đúng quy định tại tiêu mục 1.4 mục 1 phần 1 của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT. Theo đó khi thu giữ các chất ma túy thì đều cần phải được tiến hành giám định xác định hàm lượng các chất ma túy trong các mẫu vật thu giữ được. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt nói riêng và tiến trình giải quyết các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên thời gian qua. Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân quận Long Biên thì sau khi có công văn 234 của Tòa án nhân dân tối cao thì đã có 23 vụ

án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung liên quan đến vấn đề giám định hàm lượng và kết quả giải quyết sau khi có kết luận giám định hàm lượng. Điều này đã gây chậm trễ và thiếu tính kịp thời trong việc giải quyết các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy và gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác đấu tranh phòng chống các tội phạm về ma túy của các cơ quan tổ tụng quận Long Biên.

Trước những khó khăn, bức xúc của dư luận, ngày 2/6/2015, Quốc hội đã có Nghị quyết số 76/2015/QH13 về tăng cường các biện pháp phòng chống oan sai, giao cho Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao phải sửa đổi bổ sung Thông tư 17 ngày 24/12/2007 của liên ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp và Công văn 234 ngày 17/9/2014 về giám định hàm lượng ma túy.

Sau đó, ngày 29/10/2014, TANDTC tiếp tục ban hành thông báo số 264/TANDTC-TB trong đó quy định: việc giám định hàm lượng chất ma túy là bắt buộc đối với các chất thu giữ được nghi là chất ma túy, để từ đó xác định trọng lượng chất ma túy làm căn cứ xử phạt bị cáo (trọng lượng ma túy tinh chất, nguyên chất). Sau khi văn bản này được ban hành cũng đã gặp phải khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều tra, truy tố tội phạm, khiến số vụ án bị tồn đọng khá nhiều.

Với sự nỗ lực của các ngành, ngày 14/11/2015, lãnh đạo liên ngành Trung ương: Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp đã ký Thông tư liên tịch 08 sửa đổi bổ sung Thông tư 17 hướng dẫn một số quy định tại Chương 18 “Các tội về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999. Thông tư ra đời đã tháo gỡ được khó khăn, được sự đồng tình của dư luận nhân dân, tạo điều kiện tích cực cho công tác phòng chống tội phạm ma túy.

Nội dung cụ thể là:

“Điểm 2, Điều 1: Quy định trong mọi trường hợp khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại (loại ma túy gì) và trọng lượng chất ma túy, tiền chất thu giữ được. Bắt buộc phải trưng cầu giám định hàm lượng để xác định trọng lượng chất ma túy trong các trường hợp sau:

a. *Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch;*

b. *Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng;*

c. *Xái thuốc phiện;*

d. *Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;*

Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a,b,c và d tiết 1.4 Mục này, nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật.

Nếu chất được giám định không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, nhưng người thực hiện hành vi phạm tội ý thức rằng chất đó là chất ma túy hoặc chất đó là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy.

Trường hợp một người biết là chất ma túy giả nhưng làm cho người khác tưởng là chất ma túy thật nên mua bán, trao đổi...thì người đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm về ma túy mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điều 139 Bộ luật hình sự, nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa trong cấu thành tội phạm của tội này.

Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng”.

Theo quy định của Thông tư liên tịch số 08 thì: Khi giải quyết các vụ án về ma túy, các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ trưng cầu giám định để xác định loại và trọng lượng chất ma túy, tiền chất thu giữ được. Việc bắt buộc trưng cầu giám định hàm lượng để xác định trọng lượng chất ma túy chỉ trong các trường hợp a, b, c và d nêu trên.

Trong giai đoạn xét xử vụ án về ma túy “nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết” thì “Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật” mà không trả lại hồ sơ của Viện kiểm sát nhân dân các cấp để điều tra bổ sung, cũng như

không coi đây là căn cứ hủy án để điều tra lại và không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

Do vậy, ngoài 4 trường hợp nêu trên, nếu Tòa án nhân dân các cấp trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân chỉ với lý do yêu cầu giám định hàm lượng chất ma túy để xác định trọng lượng tinh chất ma túy thì Viện Kiểm sát nhân dân các cấp không nhận hồ sơ, tiếp tục đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Việc ban hành Thông tư liên tịch số 08 đã tạo điều kiện cho cơ quan tiến hành tố tụng các cấp giải quyết hàng nghìn vụ án ma túy tồn đọng trong cả nước thời gian vừa qua, nhất là ở TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, theo số liệu thống kê tại hai địa phương này còn tồn khoảng 1.000 vụ án ma túy do liên quan đến việc giám định hàm lượng chất ma túy [38].

Thông tư 08 có quy định chỉ bắt buộc giám định hàm lượng chất ma túy đối với 04 trường hợp: Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn, được hòa thành dung dịch; Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng; Xái thuốc phiện; Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần.

Tuy nhiên, việc hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư 08 của các cơ quan tiến hành tố tụng TƯ còn chưa thống nhất. Ngày 11/12/2015, TANDTC ban hành Công văn 315/TANDTC-PC và Công văn 110-CV/BCS. Công văn 315, TANDTC quy định thêm các trường hợp phải giám định hàm lượng để tính trọng lượng chất ma túy mà Thông tư 08 không quy định.

Gồm: những vụ án người phạm tội có khung hình phạt từ 20 năm, chung thân hoặc tử hình; Những vụ án mà trong giai đoạn xét xử, Tòa án xét thấy có đủ căn cứ xác định người có hành vi phạm tội đã pha trộn các chất không phải là ma túy, tiền chất vào ma túy, tiền chất...

3.3. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nhìn chung là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm, đảm bảo các lợi ích hợp pháp của người phạm tội khi tham gia tố tụng. Tuy nhiên, bên cạnh đó trong công tác xét xử

vẫn còn vẫn còn nhiều vấn đề cần phải sửa đổi để rút kinh nghiệm từ đó có những hướng dẫn cụ thể trong việc giải quyết các vụ án cụ thể. Đồng thời thông qua việc tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật nhằm phát hiện kịp thời những thiếu sót, hạn chế và vướng mắc của các quy định của pháp luật trong quá trình áp dụng trong thực tiễn để từ đó có những đề xuất, kiến nghị kịp thời để sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn các quy định của pháp luật chính xác, phù hợp hơn và đạt kết quả điều chỉnh cao hơn nhằm tạo căn cứ pháp lý vững chắc cho việc giải quyết các vụ án được chính xác và có tính thuyết phục cao hơn.

3.4. Nâng cao năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự

- Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, nâng cao ý thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ năng lực chuyên môn của thẩm phán.

Để bảo đảm chất lượng của hoạt động ADPL hình sự của Tòa án, việc đổi mới công tác tổ chức cán bộ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bởi suy cho cùng công tác cán bộ là yếu tố con người - chủ thể trực tiếp ADPL.

Chủ thể chủ yếu và trực tiếp ADPL hình sự của TAND là Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử sơ thẩm là 01 thẩm phán và 02 hội thẩm hoặc 02 thẩm phán và 03 hội thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm là 03 thẩm phán. Dù là xử sơ thẩm hay phúc thẩm thì thẩm phán đều là chủ tọa phiên tòa, trực tiếp xét xử và điều hành phiên tòa, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng ADPL hình sự của Tòa án.

Trình độ năng lực của thẩm phán là yếu tố trực tiếp quyết định đến chất lượng ADPL hình sự của Tòa án. Vì vậy cần phải tập trung xây dựng đội ngũ thẩm phán xét xử án hình sự có chuyên môn hóa cao, là những chuyên gia giỏi cả về lý luận và thực tiễn (có thể chuyên môn hóa theo nhóm tội danh của BLHS). Quá trình tuyển chọn này phải được sàng lọc và chứng minh từ thực tế xét xử, từ chất lượng các bản án hình sự đã xét xử, được sự đánh giá cao của đồng nghiệp, cấp trên và kể cả cơ quan tố tụng khác, luật sư, hội thẩm..., kịp thời phát hiện những công chức, thẩm phán có năng khiếu, năng lực sở trường về xét xử án hình sự để giúp đỡ, bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu họ xét xử án hình sự.

Tổ chức phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời đối với những vụ án bị hủy, cải sửa lớn do lỗi chủ quan của Hội đồng xét xử. Tìm ra nguyên nhân dẫn đến bị hủy án để không vướng phải những lỗi ấy ở các vụ án tiếp theo.

Nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ thẩm phán. Có chính sách khuyến khích thẩm phán tích cực học tập để nâng cao trình độ của mình, đáp ứng với nhiệm vụ được giao. Kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật chuyên ngành, văn bản pháp luật liên quan lên website của ngành để thẩm phán, công chức thuận lợi tra cứu, cập nhật văn bản mới. Thường xuyên tổ chức tập huấn, hội thảo các chuyên đề về luật hình sự, luật tố tụng hình sự, kỹ năng nghiệp vụ xét xử án hình sự. Tổ chức các phiên tòa mẫu, yêu cầu các thẩm phán khác dự và đóng góp ý kiến.

Sớm hoàn thiện các quy định về tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán. Ngoài tiêu chuẩn theo quy định hiện hành cần phải kết hợp với đánh giá hiệu quả công tác, năng lực thực tiễn. Trước khi bổ nhiệm hoặc tái nhiệm cần tổ chức thi tuyển nghiệp vụ xét xử hoặc 05 năm 01 lần tổ chức thi sát hạch với toàn thể đội ngũ thẩm phán để sàng lọc những thẩm phán trình độ chuyên môn nghiệp vụ kém. Việc thi tuyển hoặc thi sát hạch phải hết sức khách quan, công bằng, thông qua việc xử lý các tình huống cụ thể mà quá trình xét xử đòi hỏi người thẩm phán phải giải quyết.

Việc tạo nguồn thẩm phán nên nghiên cứu theo hướng mở, không chỉ là thư ký, công chức Tòa án. TANDTC nên tổ chức thi tuyển đào tạo chức danh thẩm phán đối với những người có bằng tốt nghiệp Đại học luật trở lên, có nguyện vọng làm thẩm phán. Sau thời gian đào tạo xét xử chuyên sâu một lĩnh vực, sát hạch nghiêm túc, khách quan, công bằng (công khai các bài thi của người trúng tuyển lên mạng internet để nhiều chủ thể có thể giám sát). Nếu họ vượt qua được thì tuyển dụng họ vào làm thư ký Tòa án các cấp và là nguồn bổ nhiệm thẩm phán. Điều này sẽ nâng cao chất lượng nguồn bổ nhiệm thẩm phán, tạo điều kiện cho những người có năng lực và tâm huyết với nghề thẩm phán có cơ hội được làm thẩm phán, mặt khác giảm được gánh nặng ngân sách của nhà nước cho việc đào tạo nghiệp vụ xét xử cũng như những tiêu cực trong việc xét duyệt cử đi học lớp nghiệp vụ xét xử.

+ Đãi ngộ thỏa đáng và sử dụng hợp lý đội ngũ thẩm phán.

Lao động của thẩm phán là lao động đặc thù, chịu nhiều áp lực, đòi hỏi phải có trí tuệ, bản lĩnh, chuyên môn nghiệp vụ cao. Cần phải có mức lương tương xứng với lao động đặc thù của thẩm phán. Chỉ khi mức lương của thẩm phán đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của bản thân và gia đình thì họ mới yên tâm công tác, đầu tư thời gian

nghiên cứu pháp luật, nghiên cứu hồ sơ vụ án, hạn chế bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tiêu cực, vô tư, khách quan trong việc ADPL.

Thực hiện chế độ khen thưởng bằng vật chất tương xứng với hiệu quả công tác, chất lượng, số lượng các vụ án đã xét xử hàng năm. Xây dựng các danh hiệu, như thẩm phán nhân dân, thẩm phán ưu tú... để xã hội tôn vinh những thẩm phán mẫu mực.

Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ và năng lực thực tế của từng thẩm phán. Việc sắp xếp, bố trí, phân công nhiệm vụ đối với thẩm phán phải căn cứ vào trình độ chuyên môn, kinh nghiệm xét xử, sở trường công tác của mỗi thẩm phán. Đồng thời có cơ chế tạo áp lực để thẩm phán phải luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thay thế những thẩm phán không đáp ứng được yêu cầu như: Xử oan người vô tội, xử sai tội danh, bỏ lọt tội phạm... Kỷ luật nghiêm những thẩm phán thiếu tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, dọa nạt, vòi vĩnh, đòi hối lộ...

Việc luân chuyển thẩm phán chỉ nên đặt ra đối với thẩm phán là nguồn bổ nhiệm chánh án Tòa án, vì chánh án là người lãnh đạo cơ quan Tòa án, chịu trách nhiệm phân công tổ chức hoạt động xét xử của Tòa án, đòi hỏi phải có năng lực chuyên môn vượt trội, toàn diện và kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động xét xử các loại án thuộc thẩm quyền của Tòa án, như: Hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính.

+ Đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức đối với thẩm phán và công chức Tòa án.

Phát động toàn thể thẩm phán, công chức Tòa án tích cực học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện tốt lời Bác Hồ dạy: "Phụng công thủ pháp, chí công vô tư". Không chỉ có đủ năng lực trình độ mà mỗi Thẩm phán cần phải tự ý thức được rằng: Quyền lực Nhà nước là của nhân dân, nhân dân trao cho mình là để phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân. Không được sử dụng tùy tiện quyền lực ấy hoặc để tư lợi cho mình. Người Thẩm phán phải biết vượt qua các cám dỗ, để tận tụy phục vụ nhân dân, trung thành với Tổ quốc, với chế độ, dũng cảm bảo vệ công lý, công bằng xã hội, quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp của công dân.

- *Nâng cao chất lượng hoạt động, chế độ đãi ngộ, trách nhiệm và đảm bảo sự độc lập của Hội thẩm nhân dân.*

Hội thẩm nhân dân là những thành viên của hội đồng xét xử, là những người có uy tín trong nhân dân được Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra để thay mặt nhân dân trực

tiếp tham gia xét xử các vụ án, là chủ thể quan trọng trong việc ADPL hình sự tại Tòa án, đặc biệt là xét xử sơ thẩm án hình sự thì quyết định của bản án chính là quyết định của các hội thẩm vì số Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử đông hơn thẩm phán mà lại biểu quyết theo đa số, thẩm phán ngang quyền với Hội thẩm. Các phán quyết sơ thẩm này không bao giờ có hiệu lực pháp luật ngay mà phải sau một thời gian nhất định, các chủ thể bị ADPL cảm thấy quyết định là phù hợp và Viện kiểm sát thấy phán quyết đã đúng pháp luật, họ không có kháng cáo, kháng nghị thì phán quyết này mới có hiệu lực pháp luật.

Sau khi được bầu làm hội thẩm thì Tòa án cần tổ chức tập huấn nghiệp vụ xét xử, bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho các hội thẩm nhân dân. Vì là đại diện cho nhân dân không chỉ căn cứ vào pháp luật mà còn căn cứ vào lẽ công bằng, lẽ phải ở đời, dưới góc nhìn của những người dân để phán quyết đối với bị cáo có tội hay không có tội, tội danh gì và mức hình phạt tương xứng. Vì vậy không thể yêu cầu Hội thẩm phải có trình độ chuyên môn cao, chuyên nghiệp như thẩm phán. Không chỉ Việt Nam mà hầu hết các nước trên thế giới, thành viên bồi thẩm đoàn đều là những công dân có uy tín đại diện cho các bộ phận dân cư trực tiếp tham gia xét xử, không yêu cầu cao về tiêu chuẩn trình độ pháp lý. Tuy nhiên các Hội thẩm nhân dân cần chủ động tìm hiểu pháp luật, nâng cao trách nhiệm của mình đối với công tác xét xử, để có đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ Hội thẩm của mình. Đoàn Hội thẩm nhân dân cần độc lập về tài chính và việc bố trí Hội thẩm tham gia phiên tòa. Để khuyến khích Hội thẩm nhân dân nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực nghiên cứu hồ sơ, tham gia xét xử có hiệu quả cần có chế độ đãi ngộ tương xứng. Kinh phí hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân cần phải độc lập không phụ thuộc vào Tòa án như hiện nay, để đoàn hội thẩm chủ động chi trực tiếp cho các hội thẩm tham gia nghiên cứu hồ sơ và xét xử.

Mặt khác cũng là để tạo điều kiện cho Hội thẩm nhân dân độc lập khi xét xử, giao việc bố trí Hội thẩm tham gia phiên tòa cho Đoàn Hội thẩm. Đoàn Hội thẩm cần có quy chế bố trí Hội thẩm lần lượt tham gia phiên tòa, nếu vì lý do không tham gia xét xử được khi đến lượt phải có văn bản báo cáo và được bố trí tham gia vào lần tiếp theo. Tránh tình trạng Hội thẩm không theo định hướng của thẩm phán khi nghị án thì ít được mời tham gia xét xử hoặc để tiết kiệm kinh phí, thời gian Tòa án bố trí cho Hội thẩm nghiên cứu hồ sơ quá ít so với yêu cầu.

- *Bảo đảm nguyên tắc khi xét xử thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.* Nguyên tắc này được đảm bảo dưới các khía cạnh sau:

Thứ nhất: Độc lập với những yếu tố khách quan tác động từ bên ngoài Tòa án.

Thứ hai: Độc lập từ các yếu tố khách quan tác động từ bên trong các mối quan hệ nội bộ của Tòa án. Độc lập giữa Tòa án cấp dưới với Tòa án cấp trên, độc lập trong nội bộ một Tòa án, giữa thẩm phán chủ tọa với chánh án, chánh tòa. Cần phải tách bạch giữa quan hệ hành chính với quan hệ tố tụng. Đề cao trách nhiệm của Hội đồng xét xử đối với phán quyết của mình.

Thứ ba: Độc lập giữa các thành viên trong Hội đồng xét xử, mỗi thành viên độc lập và ngang quyền với nhau trong việc đánh giá chứng cứ và đưa ra kết luận. Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là hai nội dung có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Chỉ khi nào bảo đảm cho Thẩm phán và Hội thẩm độc lập, thì họ mới chỉ tuân theo pháp luật và ngược lại. Thẩm phán và Hội thẩm độc lập mới nâng cao được chất lượng xét xử, nâng cao trách nhiệm cá nhân của các thành viên Hội đồng xét xử, đúng với tính chất của hoạt động xét xử, bảo đảm khách quan đúng với diễn biến phiên tòa.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan điều tra và công tố cũng như các cơ quan hỗ trợ tư pháp khác. Trong chiến lược cải cách tư pháp, Tòa án được xác định là trung tâm, xét xử là trọng tâm. Xét xử là một giai đoạn tố tụng độc lập, nhưng chất lượng xét xử phụ thuộc rất lớn vào chất lượng hoạt động của cơ quan điều tra, cơ quan công tố và chất lượng hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tư pháp.

- Tăng cường và đổi mới công tác giám sát hoạt động ADPL hình sự của Tòa án. Kịp thời đưa bản án hình sự lên mạng internet tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể giám sát hoạt động ADPL của Tòa án. Tăng cường công tác giám sát của cơ quan đại diện, các thành viên trong hệ thống chính trị cũng như mọi công dân đối với công tác xét xử của Tòa án. Chú trọng công tác tự kiểm tra của ngành thông qua công tác giám đốc án, kịp thời phát hiện và khắc phục sai sót của Tòa án cấp dưới.

3.5. Các giải pháp khác

3.5.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác điều tra tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Trong những năm tới, tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội nói chung cũng như quận Long Biên nói riêng dự báo còn diễn biến phức tạp. Điều đó

đặt ra yêu cầu phải nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác điều tra tội phạm tàng trữ, vận chuyên, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Để làm được điều này, tác giả đưa ra một hệ thống các giải pháp đồng bộ. Cụ thể:

* Một số biện pháp về nghiệp vụ:

- 1) Nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ;
- 2) Tăng cường kết hợp chặt chẽ giữa công tác trinh sát và điều tra hình sự theo pháp luật tố tụng;
- 3) Cần sử dụng tốt các biện pháp trinh sát kỹ thuật;
- 4) Làm tốt công tác sưu tra, xác minh nghiêm nghị;
- 5) Tăng cường xây dựng và bố trí mạng lưới bí mật đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để đáp ứng được yêu cầu...

* Trong quan hệ phối hợp:

- 1) Cần có sự thống nhất trong công tác chỉ đạo, thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ giữa các lực lượng phòng chống tội phạm về ma túy;
- 2) Tăng cường phối hợp với các lực lượng trực tiếp phòng chống ma túy toàn quốc;
- 3) Phối hợp với các đơn vị viễn thông để nắm được thông tin liên lạc của đối tượng.

* Về công tác tổ chức:

- 1) Tiếp tục củng cố, kiện toàn lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy;
- 2) Làm tốt chế độ chính sách, động viên kịp thời cán bộ chiến sĩ, gia đình họ, đồng thời kiên quyết ngăn chặn kịp thời những biểu hiện sai phạm.
- 3) Đảm bảo kinh phí, phương tiện, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động điều tra tội phạm tàng trữ, vận chuyên, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy;
- 4) Nâng cao chất lượng công tác giám định các chất ma túy;
- 5) Làm tốt công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ; tổ chức tuần tra vũ trang vào các giờ cao điểm tại khu vực trọng điểm ma túy, các địa bàn giáp danh.

* Về hoàn thiện pháp luật:

- 1) Cần sớm có văn bản hướng dẫn việc giải quyết đối với các đối tượng phạm tội về ma túy ra đầu thú, những đối tượng thành khẩn khai báo;
- 2) Chính quyền địa phương tạo điều kiện hơn nữa cho lực lượng phòng chống ma túy, đó là "thiện trí của người làm luật" đối với lực lượng này;

3) Khi xuất hiện những loại ma túy mới cần khẩn trương rà soát, bổ sung, đưa vào danh mục các chất ma túy bị kiểm soát.

3.5.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truy tố tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Để khắc phục những hạn chế, phát huy hơn nữa những điểm tốt, trong thời gian tới Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên cần phải thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ. Một trong số các biện pháp đó là:

* Đối với công tác nghiệp vụ:

- 1) Tăng cường hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và giải quyết đơn liên quan đến ma túy;
- 2) Kiểm sát viên phải bám sát tiến độ điều tra, kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót để đề ra các yêu cầu điều tra;
- 3) Đối với công tác kiểm sát điều tra cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa kiểm sát điều tra, kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam;
- 4) Trước khi diễn ra phiên tòa, Kiểm sát viên cần phải chuẩn bị kỹ tài liệu để bảo vệ thành công cáo trạng của mình.

* Về quan hệ phối hợp hoạt động:

- 1) Chú trọng giải quyết kịp thời, nghiêm minh các vụ án ma túy thuộc thẩm quyền, sớm ra quyết định phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra;
- 2) Trong quá trình điều tra vụ án, Kiểm sát viên luôn phối hợp cùng Điều tra viên giải quyết vướng mắc, tham gia hỏi cung trong trường hợp cần thiết;
- 3) Đối với những vụ lớn, phức tạp, án điếm, Kiểm sát viên chủ động đề xuất hợp liên ngành làm án để bàn biện pháp phối hợp nhằm tập trung sự thống nhất của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc đánh giá chứng cứ;
- 4) Trường hợp cần bổ sung tài liệu thì Kiểm sát viên chủ động thu thập hoặc trao đổi với Điều tra viên để hoàn thiện hồ sơ trước khi chuyển sang Tòa án;
- 5) Đối với những vụ án do cấp trên quyết định chuyên vụ án hình sự để xét xử, Kiểm sát viên nơi được ủy quyền phải thường xuyên liên hệ với Kiểm sát viên cấp ủy quyền; trường hợp phát hiện cáo trạng cũng như tài liệu trong hồ sơ có sai sót cần trao đổi với Kiểm sát viên thụ lý kiểm sát điều tra ra văn bản đính chính.

* Về công tác tổ chức:

- 1) Thường xuyên tiến hành bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ lẫn phẩm chất đạo đức của Kiểm sát viên;
- 2) Trong thời gian tới cần tăng số lượng Kiểm sát viên gắn liền với yêu cầu trình độ, nghiệp vụ;
- 3) Sớm ban hành văn bản quy định việc hưởng chế độ đặc thù cho Kiểm sát viên làm án ma túy.

3.5.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xét xử tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Trong xét xử các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên, tác giả đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xét xử tội phạm này như sau:

* Trong công tác nghiệp vụ:

- 1) Tăng cường tổ chức xét xử lưu động các vụ án ma túy gắn liền với nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục qua phiên tòa;
- 2) Đối với những vụ án chọn làm án điểm, vụ án lớn, phức tạp cần phân công những thẩm phán có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm khi xét xử;
- 3) Cần tiếp tục tăng cường công tác giám đốc xét xử các vụ án ma túy...

* Giải pháp về quan hệ phối hợp hoạt động:

- 1) Tòa án chủ động phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng lựa chọn một số vụ án điểm về tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy hoặc chống người thi hành công vụ trong công tác phòng chống ma túy để đưa ra xét xử lưu động tại các địa bàn phức tạp về tệ nạn ma túy
- 2) Đồng thời Tòa án cần phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền kết quả xét xử các vụ án về ma túy nhằm nâng cao ý thức pháp luật và tinh thần đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy trong nhân dân
- 3) Thẩm phán được phân công xét xử vụ án phải với Kiểm sát viên thụ lý án để trao đổi những vướng mắc, Trong trường hợp có vướng mắc không giải quyết được mới tranh thủ ý kiến của ngành dọc cấp trên trước khi đưa vụ án ra xét xử.
- 4) Khi đã có quyết định chuyển vụ án hình sự ra xét xử sơ thẩm, chủ động bàn bạc với Kiểm sát viên, lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp về kế hoạch dẫn giải bị cáo, kế hoạch bảo vệ phiên tòa.

5) Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và các cơ quan chức năng trong giải quyết án ma túy, cần Ban hành Thông tư liên tịch giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm.

* Trong công tác tổ chức:

- 1) Thường xuyên tiến hành bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán Thẩm phán, Hội thẩm;
- 2) Nhà nước cần có sự quan tâm đúng mức về biên chế, tổ chức cán bộ, chế độ đãi ngộ đúng mức để họ có thể vô tư trong xét xử;
- 3) Nâng mức thù lao cho Hội thẩm, cơ quan nơi công tác của Hội thẩm nhân dân tạo điều kiện cho Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử;
- 4) Phải có các cơ chế để kiểm tra, giám sát hoạt động xét xử;
- 5) Tăng kinh phí cho Tòa án địa phương để tổ chức xét xử lưu động nhiều hơn

Kết luận chương 3

Từ thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2011-2015, chúng tôi đã đưa ra các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn cả nước nói chung và quận Long Biên nói riêng. Trên đây là những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc áp dụng pháp luật hình sự trong việc giải quyết các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, chính xác và hiệu quả các giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố và xét xử để giải quyết kịp thời, chính xác, phù hợp và đúng pháp luật các vụ án nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống các tội phạm về ma túy nói chung và tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nói riêng.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: *“Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Long Biên, thành phố Hà Nội”* cho phép chúng tôi đưa ra một số kết luận chung như sau:

Trong những năm gần đây, tội phạm ma túy nói chung và tội phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nói riêng trở thành vấn đề toàn cầu. Chúng đang là mối hiểm họa đối với từng gia đình, cộng đồng và xã hội, hậu quả do ma túy gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, làm tổn hại đến sức khỏe của một bộ phận nhân dân, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm, đe dọa sự ổn định, phồn vinh và trường tồn của dân tộc.

Phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm ma túy là một vấn đề quan trọng, phức tạp và mang tính lâu dài. Đó không chỉ là vấn đề của một tổ chức, đoàn thể hay cá nhân mà của toàn xã hội. Nó liên quan đến nhiều chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh với tệ nạn ma túy là yêu cầu cấp bách đối với mỗi cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và toàn xã hội.

Thực tiễn giải quyết các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy những năm gần đây cho thấy việc áp dụng quy định của Điều 194 BLHS và các văn bản hướng dẫn áp dụng còn nhiều những hạn chế, vướng mắc cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện.

Thực tiễn giải quyết các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy những năm gần đây cho thấy việc áp dụng quy định của Điều 194 BLHS và các văn bản hướng dẫn áp dụng còn nhiều những hạn chế, vướng mắc cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện.

Trong luận văn, chúng tôi đã cố gắng tiếp cận, khái quát, đưa ra có hệ thống những vấn đề lý luận về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy quy định trong Điều 194 BLHS 1999. Trong chương một của luận văn, chúng tôi đã nêu lên những vấn đề lý luận về “tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc

chiếm đoạt chất ma túy”, một số nét khái quát về lịch sử lập pháp của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong pháp luật Việt Nam đồng thời phân biệt tội này so với các tội phạm khác trong BLHS 1999. Mặt khác, chúng tôi đã phân tích dấu hiệu pháp lý hình sự của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được quy định trong Điều 194 BLHS 1999 và phân tích các quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Trong chương hai của luận văn, chúng tôi đã phân tích những vấn đề lý luận về định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Đồng thời phân tích, đánh giá việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội này từ thực tiễn quận Long Biên, thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015.

Trong chương ba của luận văn, chúng tôi đã đưa ra các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn cả nước nói chung và quận Long Biên nói riêng. Trong khuôn khổ luận văn, những giải pháp được đề cập tương đối cụ thể, tuy chưa toàn diện nhưng là những vấn đề cơ bản và cần thiết để giúp cho các cơ quan giải quyết tội phạm một cách kịp thời, đúng người, đúng tội, cũng như trên cơ sở nguyên tắc nhân đạo của pháp luật Hình sự.

Với phạm vi thời gian và điều kiện cho phép, khả năng lý luận và kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót và bất cập, rất mong được sự quan tâm, giúp đỡ của các thầy cô giáo để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an, Hội đồng thẩm phán, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) (1998), *Thông tư liên tịch số 02/1998/TTLT ngày 05/8/1998 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương VIIA “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
2. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp (2007), *Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLN ngày 24/12/2007 quy định về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
3. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ tư pháp (2015), *Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLN ngày 14/11/2015 sửa đổi bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLN ngày 24/12/2007 quy định về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
4. Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Một số vấn đề chung về định tội danh)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Chính phủ (2013), *Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định về việc Ban hành danh mục chất ma túy và tiền chất*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2009), *Nghị định 45/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009 quy định về việc hướng dẫn nhập khẩu mẫu, lấy mẫu, quản lý, sử dụng mẫu các chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần về mục đích quốc phòng, an ninh*, Hà Nội.
9. Chủ tịch nước (1997), *Quyết định số 798/QĐ-CTN ngày 01/9/1997 về việc nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia 3 công ước Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội.

10. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 24/5 của bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
11. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
12. Lê Văn Đệ (2010), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
13. Nguyễn Minh Đức (2015), *Những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vụ án ma túy*, Tạp chí kiểm sát, số 20, tr. 7 - 13.
14. Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) (2007), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
15. Liên hợp quốc (1961), *Công ước thống nhất về các chất ma túy* (đã sửa đổi theo Nghị định thư 1972 sửa đổi Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961), New York (Mỹ).
16. Liên hợp quốc (1971), *Công ước về các chất hướng thần*, Vienna (Áo)
17. Liên hợp quốc (1988), *Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần*, Vienna (Áo).
18. Cao Thị Oanh (2012), *Một số vấn đề liên quan đến hướng dẫn áp dụng Điều 194 Bộ luật hình sự*, Luật học.
19. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự - Phần các tội phạm (tập IV) Các tội phạm về ma túy*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Đinh Văn Quế (2001), *Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội
22. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
25. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
26. Quốc hội (2001), *Hiến pháp*, Hà Nội.

27. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2000), *Luật phòng, chống ma túy*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2008), *Luật phòng, chống ma túy (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
30. Hồ Sỹ Sơn (2008), *Hoàn thiện một số quy định về hình phạt và quyết định hình phạt của BLHS năm 1999 nhằm đảm bảo hơn nữa nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự*, Luật học.
31. Tòa án nhân dân quận Long Biên, *Báo cáo số liệu năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*, Hà Nội.
32. Nguyễn Thị Thảo Trang (2015), *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ thực tiễn quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.
33. Hồ Kim Trình (2016), *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Nghệ An*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.
34. Trần Quốc Trọng (2012), *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Hà Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học quốc gia Hà Nội.
35. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
36. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
37. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. <http://cand.com.vn/Van-de-hom-nay-thoi-su/Co-4-truong-hop-bat-buoc-phai-trung-cau-giam-dinh-ham-luong-chat-ma-tuy-373037/>